

TRUNG DƯƠNG

VĂNG TRĂNG LẠNH



UÂN THƯ



TRUNG DƯƠNG

VÀNG TRẮNG LẠNH



NHÀ XUẤT BẢN
XUÂN THU

P.O. Box 97
LOS ALAMITOS, CALIFORNIA 90720
(213) 430-5115 & 430-3828

PRINTED IN TAIWAN, R.O.C.

LỜI GIAO CẢM

Trong một phần tư thế kỷ chiến tranh, chúng tôi - lớp người ba mươi, bốn mươi - đã không có được thiên đường của tuổi thơ. Bước chân đi hoang. Bước chân tạt ngược, Bước chân ia trên mọi đống vỡ băng hoại...

Chúng tôi thương tiếc cho tuổi trẻ của chúng tôi, luôn luôn nghĩ về tuổi thơ. Và trong cái trạng thái tư tưởng ấy, chúng tôi thành lập TỦ SÁCH MÁY HỒNG cho tuổi thơ ngày hôm nay.

TỦ SÁCH MÁY HỒNG sẽ chọn lọc kỹ càng để trình bày với bạn trẻ, những tác phẩm giá trị của các nhà văn tên tuổi như DUYÊN ANH, VŨ HẠNH, MINH QUÂN, VŨ HÀ ANH, DU TỬ LÊ, NGUYỄN KHẮC LỘC, HÀ HUYỀN CHI, NHẬT TIẾN, HOÀNG ĐĂNG CẤP v.v..

Sách sẽ ra đều đặn mỗi tháng 4 cuốn và có thể nhiều hơn nữa tùy theo nhu cầu của bạn đọc.

Trong mỗi cuốn sách, ngoài phần truyện chính còn có phần phụ lục, phần VUI HỌC để giúp các bạn học sinh mở rộng tầm kiến thức.

Bước đầu là khó. Một con én không tạo dựng nổi mùa Xuân. Nhưng chúng tôi sẽ hết sức cố gắng, hy vọng rằng việc làm thành tâm thiện chí của chúng tôi sẽ được các vị phụ huynh, các vị giáo chức, quý vị nhà văn, nhà báo và tất cả những ai hằng quan tâm tới tuổi trẻ chấp nhận, khuyến khích và phê bình xây dựng.

TỦ SÁCH MÁY HỒNG



CHƯƠNG MỘT

Cái chết của bà nội

TRƯỚC ngày ký hiệp định đình chiến 10-7-1954, vào một buổi tối, một người cùng làng với tôi tới thăm gia đình chúng tôi lúc ấy ở Hải-Phong, báo cho chúng tôi biết bà nội tôi đã mất vào một đêm quân đội Pháp câu một-chè về làng, phá sập luôn cả mặt tiền của ngôi nhà ngói ba gian của bà tôi. Lúc ấy tôi mới lên tám tuổi, và ký ức của tôi về người bà thật mù mờ. Tôi chỉ nhớ được rằng đó là một bà cụ ngoài tám mươi, sống hiu quạnh với người con gái nhỏ nhất vừa xấu vừa già lại vừa ngờ ngẩn, cô Bón. Tại quê nhà và cũng bà cụ ấy, giữa cái giá

lạnh của một đêm giao thừa nọ, đã chống gậy sang nhà cậu tôi để lừa lữ cháu nội, tức cùng tôi, về nhà bà đón giao thừa. Nhưng chẳng đứa nào chịu về cả vì lẽ ở bên nhà cậu tôi vui và đông hơn (riêng tôi, tôi không chịu về vì một lý lẽ rất xác đáng mà tới nay tôi còn nhớ được : đó là tôi rất sợ cái cổ áo quan bà tôi mua sẵn, theo thói quen của những người già cả lại hơi có máu mặt ở nhà quê, và để chính mình ở gian chái ngay sát cổng vào).

Nghe tin, cha tôi lặng đi một lúc thật lâu. Không ai biết được cha tôi đang cảm thấy sao lúc ấy cả, vì cha tôi là một người có tính che giấu tình cảm của mình đến độ ngay cả đến vợ con là những người sống ở bên cạnh ông vẫn cứ đinh ninh rằng ông là một người khô khan tình cảm. Trong khi đó, mẹ tôi bật khóc lù lù bù loa, chắc hẳn không phải vì thương bà tôi lắm đâu, mà vì tục lệ đòi hỏi người con dâu trưởng phải như vậy, ít ra là mẹ tôi nghĩ như vậy. (Bà không bao giờ quan

niệm được rằng một đám tang lại không có tiếng khóc !). Bọn chúng tôi lặng im chờ đợi. Người đàn ông cùng làng (mà về sau này tôi được biết chính là người có sự mạng vừa mang tin cho cha tôi vừa đồng thời thuyết phục gia đình tôi ở lại Bắc Việt) khởi sự nói về hoàn cảnh tội nghiệp của bà tôi và nhất là của cô Bốn bây giờ, đến sự hiện diện tối cần thiết của cha tôi, người con trai duy nhất của bà tôi trong đám tang v.v... Hồi đó, người ta bàn tán xôn xao xung quanh một nghị định Đình chiến sắp được ký kết trong đó có khoản chia đôi đất nước và đi đến đâu người ta cũng suy tính không biết có nên di cư vào Nam hay không.

Gia đình tôi cũng không thoát ra khỏi cơn sốt thời cuộc đó. Dầu sao thì anh Cả tôi cũng đã tự ý giải ngũ khỏi cái quân đội lúc ấy còn do người Pháp chỉ huy, cần được đưa đến một nơi nào an toàn. Vì thế, cha tôi quyết định gửi anh về quê lo đám tang cho bà tôi và đồng thời cho sửa lại ngôi nhà

nơi ông đã sinh ra và bỏ lên tỉnh lập nghiệp năm hai mươi mốt tuổi sau một cuộc cãi vã dữ dội với bà tôi.

Làng tôi tên gọi Trinh-Xá, nằm trong tỉnh lỵ Hà-Đông, cách thủ đô Hà-Nội khoảng trên dưới hai chục cây số. Tôi còn nhớ vào những ngày hè hay Tết nhất, theo gia đình về quê thăm bà tôi, sau mấy tiếng đồng hồ ngồi trên xe đến rêm cả người, chúng tôi tới một ngã ba đường nằm bên dưới Thạch Bích — nói là ngã ba, nhưng kỳ thật chỉ là một con đường đất nối với con đường nhựa — tại đó, chúng tôi buộc phải xuống xe, vào nghỉ chân trong một cái lều, mỗi người « trang bị » cái dạ dày của mình bằng một, hai tờ bún riêu để đủ sức vượt một quãng đường đất dài khoảng năm cây số, qua làng Kim-Lâm, Văn-Quán, một lò những nghĩa trang và ruộng đồng rồi cuối cùng mới đến làng tôi, Trinh-Xá. Tụi con nít chúng tôi đi bộ thì không ngại, nhưng ngại nhất là những lúc đi qua

mấy cái nghĩa trang, dù là vào ban ngày đi chẳng nữa : nhưng nhất nhất trong bọn có lẽ là tôi, bởi lẽ cái gì chứ tưởng tượng là tôi xếp song, và chính vì giàu tưởng tượng nên tôi thành ra nhất nhất.

Gia đình bà tôi thuộc loại khá giả trong làng, nghĩa là có của ăn của để. Bà tôi sinh được bốn người con gái và cha tôi là con út và là con trai duy nhất trong nhà nên được mọi người trong họ coi như là con cả, theo quan niệm trọng nam khinh nữ của các cụ ngày xưa. Là con trai duy nhất mà lại là con út, nên theo đúng câu tục ngữ « đứt giấy trên trời rớt xuống là con út », cha tôi có đủ tất cả những thói hư tật xấu của một cậu con trai nhà giàu lại nuông chiều, đặc biệt nhất phải kể là máu mề cờ bạc. Mẹ tôi vẫn thường nhắc nhở đến những « thành tích oanh liệt » riêng về bộ môn này của ông cho chúng tôi nghe luôn, trong đó có một giai thoại mà tôi thú nhất : Bà tôi, như tất cả các bà mẹ biết lo cho con trai trong làng, đã cậy cụ mua cho cha tôi

cái chức Lý trưởng. Với cái chức đó, cha tôi có cái quyền thị thực những giấy tờ đoạn mã ruộng đất, và quả nhiên ông đã thực thi cái quyền ấy một cách khá tích cực trên cái đồng gia tài chìm gồm những ruộng đất của ông để nương vào sông bạc. Biết chuyện, bà tôi bèn lấy danh nghĩa là người đã bỏ tiền ra mua cho ông cái chức tước đó, thu hồi cái triện đồng bỏ vào cái ruột tượng và đeo thường xuyên bên mình cu, chỉ chịu cho cha tôi mượn lại khi nào có người tới xin thị thực các văn tự. Do đó mà xảy ra cái cảnh mà chúng tôi cười lẫn ra mỗi khi nghe mẹ tôi kể mỗi lần có ai tới xin đóng dấu, cha tôi lại gọi lớn bà cu lúc đó đang ở đâu đó trong nhà hay ngoài sân : « Mẹ, mẹ cho tôi mượn cái triện đồng một chút ». Lúc đầu, bà tôi còn chịu khó đứng cạnh bên cạnh, đợi cha tôi đóng triện xong là thu hồi triện lại. Dần dà, bà cu cũng trở nên lơ là và cha tôi biết được điều đó nên thông thường ông thủ sẵn một lò giấy trắng để... đóng sẵn một lò để

phòng hơi khí cần tôi. Kết quả là chỉ sau một thời gian, bà tôi phát giác ra là cả đến phần ruộng hương hỏa cũng bị cầm bán mất rồi. Trong khi bà tôi nổi tiếng là keo kiệt, hà tiện từ năm rợn hà tiện đi, mà cha tôi thì như vậy, làm gì cu không nổi giận. Khi cuộc cãi vả gay gắt nhất xảy ra giữa hai mẹ con đồ đi đến kết quả là cha tôi bỏ làng ra đi, quyết chí lên tỉnh thành lập nghiệp, lúc đó cha tôi mới hai mươi ba hay hai mươi tư gì đó, và mẹ tôi, cũng tuổi đó, vừa sinh được đứa con thứ ba. Tôi vẫn nghĩ đùa rằng, chính nhờ cái tính phá của hồi trẻ đó của cha tôi đã đưa chúng tôi đến chỗ có được cái gốc gác thành thị, trở thành những con người của thành thị, học đòi cách xưng hô của người thành phố, gọi cha bằng « cậu » và gọi mẹ bằng « mợ » — lối xưng hô thông thường hồi đó của người miền Bắc ở thành thị. Giả tí như ngược lại, cha tôi cần cù cày vỡ ruộng đất như sự mong mỏi của bà tôi, chưa biết chừng chúng tôi rồi sẽ trở thành những nhà nông

chân lấm tay bùn và dĩ nhiên, điều đó cũng chưa hẳn đã là một bất hạnh, đặc biệt là đối với ông tôi bây giờ, khi mà cuộc sống thị trường làm tôi quá mệt mỏi, bạc nhược... Thình thoảng bây giờ cha tôi vẫn thường nói « Ngày xưa mà tao không lên tỉnh lập nghiệp thì chúng mày đâu có được như ngày nay ». Tôi thì tôi nghĩ khác, chẳng phải vì tôi là loại người chuyên sống ở cuộc sống này và mơ tưởng đến một cuộc sống khác, nhưng cái mà tôi cho là thiệt thòi nhất, là mình đang bị bưng dẫn đi khỏi thiên nhiên. Dầu sao thì mỗi người khi sinh ra dường như đã được chi định sẵn cho một cuộc sống nào đó.

Thoạt đầu, cha tôi định cư tại tỉnh Sơn-Tây (nơi chôn nhau cắt rốn của vài đứa trong cái gia đình đông đảo của chúng tôi, trong đó có tôi), bán vé cho một hãng xe đò của chủ tôi, rồi dần dần học nghề lái xe, và theo thời gian cộng thêm cái ý chí của tuổi trẻ nhiều tự tin và hiếu thắng, cha tôi trở thành chủ nhân

một hũng xe đồ. Trong khi đó, mẹ tôi cũng xoay sở buôn bán với cái cửa tiệm cho mượn xe đạp của bà. Cuộc buôn bán làm ăn có vẻ phát đạt, và tôi có ý nghĩ đó là một cách cha tôi tạ lỗi với bà tôi. Ở nhà quê, gia đình nào có con cái ăn nên làm ra ở tỉnh thì cũng đáng hãnh diện như khi học hành đỗ đạt vậy. tôi ngờ là thế. Dù vậy, bà tôi vẫn một hai từ chối lời mời của cha mẹ tôi ra tỉnh sống cuộc đời cũ đã mọc rễ sâu xa nơi làng quê rồi.

Dài theo năm tháng và những biến cố thời cuộc, cái gia đình đông đảo của chúng tôi đi dần ra Hà-nội, rồi cuối cùng xuống định cư tại Hải-phòng, nơi đó tôi đã lớn lên cùng với các anh chị em tôi cho đến năm 1954, năm trọng đại của lịch sử đất nước, năm mà cha tôi tự hỏi không biết nên trở về làng cũ gây dựng lại cơ sở cũ của bà tôi ở lại Hải phòng hay tiến xa hơn nữa xuống miền Nam ?

Dầu sao tin bà tôi mất đã có âm vang của một tiếng chuông gọi đưa con hoang, là cha tôi hướng về một cách mãnh liệt hơn bao giờ hết, nơi cố quận. Mất cha thì hướng về cố quận, nhưng chân cha vẫn đứng ở ngã ba đường giữa cơn xao động tột cùng của đất nước.



Người dân ông cũng lang đến báo tin bà nội tôi mất, sau khi thuyết phục cha tôi nên trở về làng vì « bây giờ nước nhà đã được độc lập rồi », với một chút tế nhị tôi thiếu dành cho một gia đình đang có tang, đã xin phép rút lui.

Cha tôi thông thả rít một điếu thuốc lão, trong khi mẹ tôi lau khô nước mắt. Kể ra thì mẹ tôi cũng có một thời gian khốn khổ vì làm dâu bà tôi và nếu những giòng nước mắt bà vừa đổ ra là để thương cho cái thuở cơ cực đó thì kể như cũng chẳng có gì là

quá quất hết. Mấy anh chị lớn tôi ngồi vây quanh, trong khi đó bọn trẻ chụm tôi ngồi ngay ra, không đùa nghịch cầu véo nhau như mọi ngày đã là may. Thời gian đó, nếu tôi nhớ không lầm, là cũng không còn bao lâu nữa sẽ tới tết Trung Thu, cái tết mà không có đứa trẻ nào có quyền quên. Từ ít lâu nay, tôi thường thấy những người bán hoa sen gánh hàng gánh sen đến bán cho bà Hàn Quảng ở bên cạnh nhà (cũng là người cùng làng với chúng tôi), để bà trực lấy nhụy ướp trà bán, và hầu như là không có ngày nào là tôi không có mặt ở bên đó để tiếp tay với bà, hoặc để lẫn lộn giữa đồng cánh sen thơm ngát và mịn màng vắt trên nền nhà đá hoa ngập đến tận mắt cá, và để cuối cùng xin lấy những cái nõ sen còn non mang về vừa chơi vừa toẻ lấy những hạt sen non đập lên trán cho nó kêu đánh tách một cái rồi mới bỏ vào miệng nhai.

Cuối cùng mẹ tôi lên tiếng

— Bây giờ cậu nó tỉnh sao ?

Thay vì đáp thẳng câu hỏi của mẹ tôi, cha tôi quay sang anh Cả tôi hỏi :

— Tình trạng linh trắng của anh lúc này ra sao ?

Anh tôi nhả đụn khói vừa rít vào (từ ngày lấy vợ cách đây khoảng trên một năm, mặc dù đã hai mươi ba tuổi, bấy giờ anh tôi mới dám công khai hút thuốc trước mặt cha tôi), nói :

— Thì như con đã nói với cậu đó, quân đội họ nhất định rút vào Nam. Con không thể tiếp tục ở trong đó, khi mà nhà ta chưa quyết định dứt khoát về việc đi hay ở.

Cha tôi trông có vẻ già nua mệt mỏi hơn bao giờ hết :

— Tôi thì tôi thấy nhà ta có nhiều triển vọng ở lại hơn là đi, nhất là lúc này cu đã mất, nhà cửa ruộng nương không ai trông coi. Và lại, tôi nghe người ta nói là đến năm 56 sẽ có tổng tuyển cử thì chắc tình

trạng chia cắt đất nước này không kéo dài. Sống thời đại nào, dưới chính quyền nào thì mình cũng phải làm mưa mặt ra mới có cái ăn... Nếu đi bây giờ thì bao nhiêu mồ hôi nước mắt của mình bấy lâu đem đổ ra sông ra biển cả mất. Chưa kể trong Nam mình chẳng có ai quen thuộc cả...

Ngừng một lát, cha tôi nói :

— Dầu sao thì hiện tại, tôi thấy cỡ hai việc phải gấp rút lo : Anh về quê lo tổng táng cho cụ, đồng thời nán lại đó một thời gian nghe ngóng tình hình xem sao. Anh về trước ngay ngày mai, ở ngoài này tôi sẽ thu xếp cho vợ anh và mấy đứa em cùng về...

Mẹ tôi nhìn cha tôi :

— Như thế là cậu nó quyết định ở lại à ? Tôi thì tôi ngại lắm... Tôi nghe người ta nói người Cộng sản họ diệt những người Thiên Chúa, cũng ác như vua Tự-Đức ngày xưa vậy đó.

Cha tôi gắt :

— Cái gì chưa thấy tận mắt tôi chưa tin.
Bà chỉ nghe đồn đãi nhảm.

Thấy cha tôi gắt, mẹ tôi đành nín thinh.
Cả nhà tôi ai cũng sợ những lúc cha tôi nổi
giận. Có thể nói là cha tôi đã cai quản gia
đình bằng sự độc đoán với một tin tưởng
sắt đá là không bao giờ mình lại có thể sai
lầm được. Ai có gan nói là ông sai lầm thì
cứ tin rằng mình nên cuốn gói ra khỏi gia
đình là hơn.



CHƯƠNG HAI

Về làng

ANH Cả tôi về quê được dẫu hơn một tuần lễ thì nhờ người nhắn tin ra Hải Phòng cho chúng tôi biết mọi sự đã thu xếp xong, nghĩa là anh đã lo việc mai táng bà nội, gọi người tới sửa lại ngôi nhà của bà tôi, đồng thời cho biết là cuộc sống thanh bình đã thực sự lại với làng xóm thân yêu của chúng tôi v.v. . anh cũng cho biết là nếu chúng tôi về quê sẽ phải tăng bỏ mất một quãng đường khoảng hai ba cây số ở phía trong Hà đông một chút — cái trái độn giữa vùng tiếp thu (tức vùng thuộc Cộng sản) và vùng Quốc gia.

Buổi tối hôm nhận được thư anh Cả, gia đình chúng tôi họp nhau nơi phòng khách. Cha tôi quyết định chia đôi số anh em chúng tôi, một nửa ở lại Hải Phòng với cha mẹ, một nửa về quê với anh Cả. Tôi cũng không hiểu vì sao mình lại được lọt vào số anh chị em về quê với anh Cả cùng với chị Năm, anh Sáu và thằng Chín. Và hướng dẫn phát đoàn về làng này có chị Cả cùng với đứa con gái đầu lòng của anh chị Cả, bé Minh lúc ấy được năm tháng.

Hồi đó vì còn nhỏ, tôi hoàn toàn không có một ý niệm về những đổi thay của đất nước và những lo âu băn khoăn của những người lớn. Tôi chấp nhận bất cứ một chuyến đi nào, đi đến đâu, với tất cả cái hào hứng của một đứa trẻ ham đi hơn ở một chỗ hoài. Trong đầu bất cứ đứa trẻ thành thị nào, sự được về thăm quê ngoại hay quê nội là một hạnh phúc — một phần vì hồi đó chúng tôi chịu ảnh hưởng bởi những bài tán quốc gia

trích trong các tác phẩm của nhóm Tự lực Văn đoàn những tác giả vốn xuất thân từ những gia đình giàu có và lớn lên ở thành phố, và họ đã về quê với tất cả cái ngạc nhiên hào hứng của những đứa trẻ thị thành, của những người hàng quan « nhìn xuống » cuộc đời thôn dã nên cái nhìn của họ chưa đựng tinh chất bao dung pha sự thơ mộng, thiếu hiện thực và sắc mắ của những Nam Cao hay Trần Tiên.

Nếu tôi có buồn khi rời Hải Phòng thì cũng chỉ là cái buồn thoáng qua, chẳng bao lâu được lấp đầy bởi đường dài. Mẹ tôi và mấy người anh chị em còn lại đứng trước cửa nhà chúng tôi vẫy tay từ biệt khi xe chở chúng tôi thông thả rời bánh đi qua các đường phố Hải Phòng tiến về phía cầu Hạ Lý.

Hải Phòng, rồi Hải Dương lùi lại phía sau. Cuối cùng, sau hai tiếng đồng hồ miệt mài giữa những ruộng đồng, chúng tôi thấy

cầu Long Biên hiện ra trước mắt với những
giòng sắt đen chúi chúi, với giòng sông Hồng
sắc đỏ như máu cuộn cuộn chảy bên dưới.
Hồi đó, mỗi lần đi qua cầu Long Biên,
tôi đều nhớ đến giai thoại đã nghe
một lần và không biết cái gì đã khiến
dầu óc non nớt của tôi lại ghi nhớ
được lâu đến vậy : hồi đó có lệnh
tuyệt đối cấm xả rác trên cầu, vì thế
trước khi qua cầu, các tài xế xe ô tô đều phải
lưu ý khách điều đó. Một lần, có một bà nhà
dân đơn sao đó, mặc dù đã được dặn dò kỹ
lưỡng, đến khi xe đang chạy giữa cầu, mẹ ta
nhoài người ra ngoài cửa xe nhỏ đánh toét
cột trấu xuống sàn cầu. Tên sĩ quan người
Pháp giận dữ bắt xe đỗ lại, hùng hục leo lên
xe, hề thấy miệng bà nào đó là tát xiếc liên
hai cái, khiến có vài bà đang ngủ gà ngủ gật,
bị hớp tai cho hai cái liền, choàng tỉnh dậy
toan cự nự, nhưng khi thấy khuôn mặt đỏ
gay của tên sĩ quan Pháp, đành nín khe, ngo
ngác, cũng tốt. Cho đến bây giờ, cái hình ảnh

(dù là được mô tả lại bởi một người khác) ngo ngác của những người dân bà Việt vẫn làm tôi ngỡ ngàng, chưa sót.

Xe tiến vào Hà-Nội trong cái khung cảnh nhốn nháo của một thành phố sắp sửa đổi chủ. Hà-Nội dưới mắt tôi lúc đó đông hơn bao giờ hết, ít ra là hơn những lần tôi lên đây ở chơi với bà chị thứ hai lấy chồng người Hà-Nội. Chị Hai tôi vẫn còn ở Hà-Nội, nhưng dường như chị cũng sắp sửa theo chồng di cư vào Đà-Nẵng thì phải. Tôi còn nhớ như in cái đám cưới lấy nước mắt của chị. Chị Hai tôi là một người thiếu may mắn. Hồi còn thiếu nữ, chị bị đau một trận thập tử nhất sinh, đến nỗi, khi cả nhà tản cư phải bỏ chị ở nhà một mình. Rồi căn nhà của chúng tôi bị cháy trong khi chị nằm trong màn, bệnh tật và sự kinh hoàng đã làm chị lú lờn lại không còn có thể kêu cứu với một ai, và càng không thể lết ra ngoài trong khi chị vẫn còn tỉnh táo để nhận thấy rằng

minh sắp sửa bị thiếu sống. Cuối cùng, một người lính Lê-dương đã cứu chị và đem bỏ ngoài hè. Chị ở đó đợi cho tới khi gia đình chúng tôi trở lại nghe chị kể câu được-câu không tai nạn khủng khiếp vừa qua. Chị là người duy nhất trong nhà tôi hồi đó dám nói lên những sai lầm của cha tôi, và theo đúng cái định luật bất thành văn của gia đình, chị cuốn gói lên đường vào Nam sống lêu bêu cho đến khi người chồng chị bảy giờ ngỏ lời xin cưới chị, đến tận nhà tôi xin lỗi cha tôi cho phép chị trở về Bắc. Tuy thế, đám cưới của chị cũng chỉ được cha tôi tham dự một cách miễn cưỡng sau khi mẹ tôi đã đổ bao nhiêu nước mắt van nài ông vì thể diện của gia đình. Thời con gái của chị đã chẳng may mắn gì, đến khi về nhà chồng chị cũng vẫn khổ dù được anh rể tôi hết sức thương yêu, và chính vì anh rể tôi hết sức thương yêu chị nên đã khiến cho ba mẹ chồng chị đã hành hạ chị đủ thứ, coi chị là cái thứ đàn ba cày nghiệt vì đã cướp tình thương yêu

của đứa con trai độc nhất của bà. Tôi thương chị nhất nhà, nên khi nào có dịp, tôi xin cho được đi Hà-Nội ở chơi với chị. Do đó, Hà-Nội còn tồn tại chẳng trong trí nhớ của tôi là do ở những lần lên thăm người chị đáng thương đó, tồn tại với những sắc cạnh làm đau đớn được. Cách đây khoảng hai chục năm, những người con gái rời gia đình cha mẹ đi lấy chồng như rời nơi an toàn để lao mình vào một cuộc phiêu lưu không lối ra — ít ra những người con gái mà tôi được chứng kiến tận mắt qua hình ảnh của chị Hai tôi, của chị Cả tôi hồi đàm cười anh Cả tôi, của một vai cô em họ — và không hiểu sao, tôi thấy thương họ khủng khiếp hồi đó, thương đến độ tôi có thể khóc cùng với họ khi đón dâu, và quay quắt với hình ảnh khuôn mặt đầm đìa nước mắt của họ trong một thời gian đến mấy tuần lễ sau đó được.

Xe chúng tôi tạt qua thăm chị Hai lúc



do ở đường Trần Quốc Toản trước khi thăng đường về Hà Đông. Mọi thứ trong nhà chị đã được thu xếp lại sẵn sàng cho một chuyến đi lâu dài. Gần như là một cuộc thăm viếng cuối cùng của những người tưởng như chẳng bao giờ còn thấy mặt nhau lần nữa, chị Hai tôi xin chị Cả tha lỗi cho về những xung khắc chị dâu em chồng độ nào, và ngược lại chị Cả tôi cũng nói những điều tương tự, cứ y như là hai người đang trôi trăn với nhau ở phút hấp hối vậy. Dĩ nhiên là nước mắt đã gần ngập cả phòng, căn phòng có mùi ẩm mốc quen thuộc đối với riêng tôi, mùi ẩm mốc của hoài niệm, của những lần viếng thăm chị Hai. Nhưng với tôi lúc đó tất cả chẳng có nghĩa lý gì : tôi đang nôn nóng được tiếp tục cuộc hành trình. Bên cạnh tôi, anh Sáu hơn tôi có hai tuổi cũng không hơn gì : anh chàng đang nghĩ tôi lúc được tắm ao thả cửa, được chạy nhông thả diều với bọn anh chị em họ cùng lứa, được đi câu cá, đi đơm tôm v.v...

Cuối cùng cuộc thăm viếng kết thúc. Chị Hai bỗng đưa con trai đầu lòng theo chân chúng tôi ra tận đầu ngõ trước đôi mắt xết nết của bà mẹ chồng. Tôi dám nói là chị rất mong mỏi được theo chân chúng tôi luôn, bởi lẽ việc đi hay ở với anh em chúng tôi hầu như chỉ có ý nghĩa duy nhất là được ở gần hoặc sống xa gia đình vĩnh viễn. Cho đến bây giờ, mỗi khi bởi lại đồng tro tàn của cuộc chia ly tàn nhẫn đó, tôi vẫn nghĩ, nếu Thương để có thực, người phải nghe thấu những tiếng khóc bi thương của hàng trăm ngàn gia đình người Việt phải chịu cảnh kẻ ở người đi đó. Với chị Hai tôi lúc đó, việc chúng tôi về quê là một câu trả lời dứt khoát cho ý định ở lại của cha tôi.

Rồi chúng tôi lên đường thẳng hướng Hà-Đông đi, tôi.

Và từ đó, tôi bắt đầu mơ đến những con đường làng lát gạch đỏ sạch bong nhưng thương lam tôi gọt nhất là những bãi phân

trầu to bằng cả cái miệng rỏ. đến những lùm tre xanh tươi mọc thành từng bụi hết sức dẻo dai, đến những vườn ổi vườn bưởi sai trái, đến những bữa trời lạnh được ngủ trên những tấm chiếu dưới trái rơm mùi thơm ngai ngái gây cảm giác nhồn nhột khó tả, đến cái sân rộng mênh mông của bà tôi mặc sức cho chúng tôi nô đùa chạy nhảy... còn nhiều nữa... à phải, còn cái cây sấu của mẹ Tư bên bờ ao nữa với những trái chín vàng đầy nước ngọt ngọt lại chua chua. Và bà họ hàng cùng bọn em họ cũng chiều chúng tôi, sẵn sàng dành cho mọi thứ không đợi chúng tôi hỏi xin, bởi vì chúng là con của cha tôi, người đàn ông đã bỏ làng ra đi lên lĩnh lập nghiệp và đã thành công, người đàn ông nay đã trở nên như một người trưởng tộc, có thể nói một lời thôi là mọi người phải nghe. Tôi hãnh diện vì cha tôi hồi đó lắm. Và tôi cũng hãnh diện vì cái vẻ tỉnh thành của chúng tôi hồi đó lắm,

Tôi hoàn toàn ngày thơ không biết rằng việc chúng tôi thỉnh thoảng về thăm làng vào những dịp tết nhất hay nghỉ hè hoàn toàn khác xa với việc chúng tôi về đó ở với một thời gian không biết sẽ kéo dài tới bao lâu. Bởi vì người dân quê miền Bắc, vì phải làm ăn cực nhọc, phải phấn đấu cam go mới có miếng ăn, nên họ chỉ róng rãi khi người khách tới chơi hai ba bữa rồi đi, đặc biệt vào những dịp tết nhất là thời gian duy nhất người ta tự cho phép mình tỏ ra hào sảng chút đỉnh.



Xe ngừng. Tôi còn đang ngờ ngác thì chị Năm lịch vào tay tôi :

— Xuống, may.

— Cơ mà, chưa tới nơi mà !

Tôi ngờ ngác ngó quanh, nhưng khi thấy mọi người lục tục xuống xe thì tôi cũng lúc thúc theo sau. Ai cũng có đồ đạc phải vác,

riêng tôi được giao cho nhiệm vụ bồng đưa châu. Nơi chúng tôi xuống xe nằm giữa một quãng đồng không mông quạnh, xung quanh chúng tôi có rất đông người ta và xe cộ. Ngó xa hơn chút nữa về phía con đường trước mặt, tôi ngạc nhiên thấy có một khoảng trống dài, không một bóng người hay xe, và suốt tận phía xa đến hàng mấy cây số, phát phới một lá cờ lả lẫm : cờ đỏ sao vàng. Nhìn lại bên này, tôi cũng thấy một lá cờ nhưng là cờ vàng ba gạch đỏ. Anh Sáu làm ra vẻ hiểu biết, ghé tai tôi bảo :

— Bên đó là vùng tiếp thu.

— Tiếp thu à ?

Ý nghĩa của hai chữ đó hoàn toàn xa lạ với tôi, có chăng là cái chữ « thu » gọi cho tôi nhớ tới Trung Thu sắp tới. Trung Thu tại quê nhà thì chắc là thú vị. Người ta vẫn bảo là trăng ở vùng quê sáng và lớn hơn trăng ở thành thị. Lần đầu tiên mình đón Trung Thu ở nhà quê, chắc là phải vui lắm.

Tôi đã khấp khởi mừng thầm.

Chúng tôi vượt qua đoạn đường tăng-bo một cách vất vả dù đã mười người gánh giùm hành lý, vì phải đi vòng xuống ruộng thay vì đi trên đường cái, và trình giấy tới hai lần, để cho người của cả hai phe khám xét hành lý nọ kia với những câu hỏi đi đâu, về làng làm gì, dĩ nhiên là mỗi trạm xét là mỗi lối trả lời khác nhau. Chẳng hạn như tôi thấy chị Cả tôi trả lời cho mấy người bên trạm Quốc Gia là chúng tôi về làng để thu xếp ruộng vườn sửa soạn vào Nam, trong khi đó, với mấy ông cán bộ Cộng Sản, chị tôi nói là bây giờ nước nhà hòa bình rồi thì về quê sống. Tôi có linh cảm một cái gì khác thường và cho đến bây giờ tôi vẫn tự hỏi tại sao cái cảm giác kỳ quái ấy trong một đứa trẻ chưa đầy mười tuổi là tôi, đặc biệt là khi bước chân vào vùng tiếp thu. Cái bộ quần áo nâu hay đen nếu được khoác trên người của một bác nông dân thì không có gì đáng

quan làm cả, nhưng khi nó được khoe lên người của những thanh niên có cái dềng dấp thì thành thì lại khiến tôi thấy là lạ, sợ sợ. Những bộ đồ răn rì của bọn lính Lê dương với mũ sắt hung tợn được thay thế bằng những bộ đồ cán bộ nhiều túi và nón bọc vải cũng chẳng làm cho tôi bớt sợ hãi chút nào. Tôi đi nép vào bên chị. Cả lúc ấy dùng là một thứ gai một cơn với làn da trắng như trứng gà bóc và nụ cười thật tươi đã khiến những người có bản phận xét hỏi chị chú ý đến chị nhiều nhất giữa đám hành khách lếch thếch những thùng mủng, bị rọ.

Sau khi vượt qua quãng đường tăng-bo đó, chúng tôi thuê xe kéo tiếp tục cuộc hành trình về làng.

Đến ngã ba nơi có con đường dẫn về làng, tôi vẫn thấy cái lều của bà bán bún riêu nằm dưới gốc cây đa. Chúng tôi xuống xe vào quán nghỉ chân, mà mặc dù chị Cả tôi nôn nóng vượt quãng đường còn lại để

vào làng gặp chồng, nhưng vẫn phải chiều lòng chúng tôi vào quán ăn bún đã. Không hiểu sao, với tôi, bún riêu ở quê sao ngon lạ lùng đến thế, dù mỗi tô bún chỉ có chút xiu nước lèo và lòng bông tí của già. Và cái lối và thật lạ, và làm sao cho nghe soàn soạt đó dường như làm tăng thêm sự ngon lành. Chúng tôi cũng hy vọng trong thời gian dừng chân ở quán sẽ gặp được người làng để nhờ nhân người ra mang đồ giúp, như những lần về ăn Tết hay nghỉ hè ở quê : cả họ hàng làng nước chạy ra đón chúng tôi trên con đường đất với tất cả những thăm hỏi tu tỉ đến là vui.

Rời Hải-Phòng, chốn đô thị, chúng tôi đã trút bỏ những áo quần loe loẹt của dân thành phố để khoác lên mình những tấm áo màu sẫm, song chỉ làm tăng thêm nước da trắng của chúng tôi. Một vài người dân quân trong quán nhìn chúng tôi bằng đôi mắt dò xét. Trong số những người nông dân nghỉ

chân trong quán không cò được lấy một khuôn mặt quen, dù ở mấy làng láng giềng. Bà hàng quán lường tuổi sau khi mức nước canh riêu cua rưới vào mấy cái bát sứt miệng đầy bún cho chúng tôi, ngồi phe phẩy chiếc quạt mo vừa quạt nồm vừa xua ruồi nhặng. Mặt trời đã gần đứng ngọ. Ánh nắng trưa hè nhảy nhót trên những cánh đồng mạ xanh mơn mớn. Chỗ chúng tôi ngồi có thể nhìn thấy cổng làng Kim-Lâm, lũy tre bao quanh làng Văn-Quán, còn làng ở sâu hơn nữa vào phía trong, gần như chỉ còn là một vạch xanh xanh ở đường chân trời.

Chị Cả đón lấy con bé cháu trên tay tôi để tôi ăn bún, trong khi xoay mặt về hướng cây đa, chị tôi lặng lẽ vạch áo cho con nhỏ bú sữa. Hồi năm ngoái, bị mẹ tôi giục quá, anh Cả tôi mới bằng lòng để bà đi hỏi vợ cho. Là người con lớn trong một gia đình có đến gần tá em, anh tôi dường như phải hy sinh nhiều ước vọng, hoài bão mà hẳn như

không có người bạn nào ở tuổi anh lại không nuôi dưỡng. Anh là một người có tinh thần trách nhiệm và có một đức tính chịu đựng đến nỗi dù bị cha tôi dạy dỗ nghiêm là anh chỉ giỏi sống bám vào bố mẹ, anh cũng nhận để ở lại gia đình diu dắt chúng tôi và làm nơi nương tựa tinh thần cho mẹ tôi. Anh tôi lấy chị tôi hoàn toàn do ý muốn và sự chọn lựa sắp xếp của mẹ tôi hơn là do tình yêu. Nhưng nhờ sự đảm đang và tính nết nhu mì, ảnh hưởng bởi nền giáo dục cổ kính nho phong, chị Cả sớm được lòng mẹ tôi và anh tôi dĩ nhiên, ngày nào liên hệ giữa mẹ tôi và cô con dâu còn tốt đẹp là anh không phiền hà gì hết. Tôi thương chị tôi, có lẽ vì lòng xót xa đặc biệt tôi vẫn có dành cho những người con gái mới về nhà chồng, một nơi xa lạ với những người xa lạ mà mình phải học coi như thân thuộc. Trong cái đám em chồng lau nhau là tội tôi, không biết có bao giờ chị Cả nghĩ hay cảm thấy tình cảm của tôi dành cho chị? Hồi còn nhỏ, điều mà tri

ọc non nớt và tâm hồn nhiều tình cảm của của tôi cho là bất hạnh nhất đối với một đời người. là phải sống xa những người thân yêu như cha mẹ, anh chị em.

— Này cô Năm, chờ ở đây thì biết đến bao giờ? Hay là...!

Chị Năm tôi lúc đó mới mười ba tuổi, nhưng thân hình chị đã phát triển như một thiếu nữ mười lăm, mười sáu. Nghe chị Cả nói vậy, chị nhanh nhẩu — chị Năm vẫn được tiếng là nhanh nhẩu và thẳng tính nhất nhà :

— Theo em, mình ngồi đợi ở đây, cho thằng Sáu chạy về làng gọi người ra khiêng hành lý vào.

Thế là anh Sáu được phải chạy về làng thông báo. Anh Sáu đi dĩ nhiên có tôi theo kèm, bởi vì hồi nhỏ, hai đứa chúng tôi, chênh lệch nhau có hai tuổi, đi đâu cũng như bong với hình và hầu như trong bất cứ trò chơi nào cũng có hai đứa tui tôi, dù song

song với việc đó, chúng tôi cũng đánh nhau và cãi nhau khá kỹ, thậm chí có lần tức quá không biết làm gì, tôi đã thầm mong có... phép để « trả thù » anh Sáu cho bõ tức.

Khi chúng tôi sửa soạn chạy đi, chị Năm không quên giục đi cho tôi nơi tôi chốn. Nhưng được dặn là một chuyện, còn thì những bàn chân chim sẻ của hai đứa trẻ thành phố được thả về quê lại có lý do của riêng chúng, chúng tôi chưa tạt xuống ruộng để hái đồng đông còn là may. Đi song song với nhau chân, chúng tôi bày ra trò chạy đua.

Làng thôn ở miền Bắc khác hơn làng thôn trong Nam ở chỗ, thay vì sống lẫn lộn như trong Nam, người nông thôn Bắc sống quần tụ thành từng làng, có lũy tre bao bọc, có cổng dẫn vào làng, có tổ chức canh phòng chặt chẽ khiến cho người lạ khó đặt chân vào nổi, chưa kể đoàn quân không chính thức là những con chó thường tỏ ra

khả đặc lực nữa. Vì thế, nói là đi qua hai làng Kim Lâm và Văn Quán mới đến làng tôi, phải hiểu là đi qua *phía ngoài* thôi. Làng Văn Quán vì nằm giữa hai làng Kim Lâm và làng tôi (Trình Xá) nên được dùng làm nơi họp chợ, dĩ nhiên khu đất chợ nằm ở ngoài làng gồm có một cái đình, ngo ra một cái giếng nước ngọt rất lớn, đường kính có tới mười mấy thước và có lẽ là rất sâu, kể đó là những túp lều dùng để họp chợ. Chợ này không chỉ dành cho ba làng, mà cho nhiều làng khác nữa. Thành ra cứ trung bình độ nửa tháng lại có một phiên chợ lớn, nhiều người không mua bán gì cũng đến chơi hoặc có nhiều khi đi chợ Văn Quán chỉ để ăn tô bún riều hay bát cháo long, đĩa bánh trôi v.v...

Lại nói về mấy cái giếng nước ngọt. Mỗi làng đều có một cái giếng nước ngọt, tùy theo mức giàu sang của dân làng mà giếng đó được xây bằng gạch hay chỉ giản

địa là một cái vũng nơi phát xuất nhiều mạch nước trong lành. Thường thường giếng được đào trước đền Thánh Hoàng (vị thần hộ mệnh của làng theo truyền thống từ ngàn xưa. Về sau này xuất hiện những xóm đạo trong mỗi làng nên ngoài vị Thánh Hoàng, xóm đạo đó lại còn có thêm một vị quan thầy được chọn trong Kinh Thánh nữa), như một cách gửi gắm giếng nước đó cho vị Thánh Hoàng nọ giữ hộ cho luôn trong sạch, không bị ai bỏ thuốc độc. Nhưng như thế cũng chưa đủ bảo đảm, những ông già bà cả có bốn phần kẻ cho bọn nhỏ nghe những giai thoại ma quỷ mà bối cảnh bao giờ cũng là cái giếng nước trước miếu thờ Thánh Hoàng để gây một ấn tượng khiếp đảm nơi những kẻ có mưu toan bất chính nào đó. Vì thế, câu chuyện ma quỷ đầu tiên chúng tôi được bọn anh em họ ở nhà quê kể cho nghe chính là những câu chuyện loại này. Riêng tôi, hồi đó, thù thật có các vàng, tôi cũng chẳng dám ra giếng làng tôi chơi một

minh, chứ đừng nói đến chuyện phóng uế bậy bạ quanh đó.

Ra khỏi khu chợ Văn Quán, chúng tôi còn phải đi ngang qua hai cái nghĩa trang nữa, một của làng Văn Quán, một của làng Lôi, chưa kể những mồ mả rải rác trên các đồng ruộng. Ở đây cũng cần phải nói qua về những cái mả một chút. Chỉ có những gia đình theo đạo Thiên Chúa mới chôn cất người thân trên một miếng đất có rào giậu kỹ lưỡng gọi là Đất Thánh, còn các gia đình bên lương có khuynh hướng chôn người thân tại những thửa ruộng của họ.

Cuối cùng chúng tôi về tới cổng làng. Vừa bước vào làng, chúng tôi đã chạm mặt với ngôi nhà thờ xây bằng gạch lỗ chõ những vết đạn mọt-chê chưa kịp tu sửa. Vị Cha Xứ cuối cùng cũng đã bỏ làng đi từ lâu, có lẽ từ khi xảy ra cuộc kháng chiến toàn quốc năm 1945). Tôi đứng ngậy ra nhìn chiếc gác chuông bị sập mất một phần và liên tưởng đến trái

một-ché đã được cau trụng nơi đó và văng sang ngôi nhà của bà tôi ở ngay bên cạnh một miếng, kết thúc tám mươi tư năm lam lũ vất vả và hết sức tàn tụy của bà tôi, để từ đó chúng tôi kéo nhau về quê.

Anh Sáu kéo tay tôi và hai đứa chạy vào xóm giữa tiếng chó sủa vang.

Ngay trên lối cổng vào, anh Cả tôi với mái tóc bông và bộ ba bà mầu nâu, cầm một xô đựng nước với trắng nơi tay trái, chiếc chổi nơi tay phải, đang kẻ dở chừng một khẩu hiệu mà tôi nhớ mang máng có chữ «Bác và Đảng». Mắt anh tôi sáng hân lên khi thấy hai đứa chúng tôi. Tôi còn đang lạng lạng về bộ đồ của anh, không kịp thở đã bị anh hỏi dồn :

— Về rồi à ? Chị với cháu đâu ?

Tôi không hiểu được vì sao và do đâu mà lúc vừa nhìn thấy anh Cả trong bộ đồ đồ nọ, tôi có cái cảm giác là anh tôi đang lạc lõng ghê gớm lắm, dù công việc anh đang

lâm là kẻ khầu hiệu cho chế độ mới... Cũng có thể cái cảm giác đó là do bản chất tình cảm dễ xúc động của con người tôi mà ra : tôi hầu như không chịu được vẻ khuất phục pha chất ngậm ngùi, chua xót nơi kẻ khác, nhất là khi kẻ ấy lại là người từ hồi nào tôi vẫn cảm phục, coi như thần tượng. Anh Cả tôi, đối với tôi, ít ra từ khi tôi ra đời cho đến năm tôi bước vào tuổi dậy thì, luôn là một hình ảnh sáng rõ đầy uy quyền. Có thứ tiếng nói khiến cho mười đứa em của anh phải nể sợ. Từ hồi nào, tôi quen nhìn anh như một người đi đứng đàng hoàng, ăn mặc luôn chỉnh tề, thường chỉ huy, sai phái người khác hơn là nhận lệnh và thi hành. Bây giờ anh đang đứng trước mặt tôi trong bộ đồ quá sức mộc mạc và kẻ khầu hiệu cho người khác, làm gì tôi không ngỡ ngàng.

Chỉ về sau này tôi mới hiểu rõ hơn phần khúc trong tâm hồn người anh lớn nhất đó.



CHƯƠNG BA

Những ngày tại nhà quê

CÓ lẽ suốt đời tôi, tôi không bao giờ có thể quên được những ngày sống tại quê nhà này, những ngày có thể gọi là đen tối nhất trong giai đoạn đầu thời của tôi. Chúng tôi hầu như bị cắt đứt liên lạc với Hải-Phòng, nơi cha mẹ và một nửa số anh chị em tôi đang di tản trong cơn bối rối cùng tột của một thành phố sắp sửa đổi chủ (lúc đó Hà-nội đã được Cộng Sản tiếp thu và chị Hai tôi đã theo gia đình xuống Hải-Phòng, sống ở nhà cha mẹ tôi ít tuần, rồi đáp tàu vào Nam

giữa tiếng khóc ngất của đứa em gái út của tôi lúc đó mới ba tuổi, nằng nặc đòi chị vú bế ra tàu há mồm đòi lại thằng cháu con chị Hai tôi — mẹ tôi kể lại là nhiều đêm con bé thức giấc và gào vang nhà : «Trả thằng Đa-ni đây!» làm cả nhà đã rối ruột rối gan về nỗi đi hay ở, càng rối gan rối ruột thêm. Về sau này, khi đã lớn, tôi cứ bị ám ảnh hoài bởi lời gào đòi này, như thể là hồn thiêng của dân tộc hiện hình nơi con bé gào đòi lại phần đất đã mất vào tay Cộng Sản vậy).

Bị cắt đứt với Hải-Phòng, có nghĩa là bị cắt đứt với nguồn tài trợ nên chúng tôi rơi vào tình trạng thiếu thốn khủng khiếp để từ đó học được bài học đầu tiên về lòng tốt của họ hàng.



Những ngày đầu tiên ở làng dĩ nhiên là chúng tôi được mọi người tiếp đón niềm nở ân cần. Có đến một một tuần lễ đầu, chúng

tôi hết được nhà ông cậu mời cơm, đến nhà bà bác mời cơm v.v... Họ hàng cha mẹ tôi sống quần tụ trong một thôn xóm cùng theo đạo Thiên Chúa, quen gọi là xóm Đạo để phân biệt với xóm dưới theo đạo Phật, gọi là xóm Đời. Thậm chí có Bốn phải sốt ruột, nói dối mấy lần, nhưng là bây giờ bà tôi đã nằm xuống chỉ còn có cô tôi, chúng tôi đã coi thường cô v.v... rồi cô dọa sẽ kể cha tôi này nọ. Họ hàng tôi hầu như chưa có ai nghĩ rằng mình sẽ bỏ nhà cửa, bỏ ruộng vườn để vào Nam lập nghiệp. Lý do rất giản dị là cái mục cải cách ruộng đất chưa được phát động ở làng tôi và người Cộng Sản vẫn còn vuốt ve dân làng đến mức tối đa và hứa hẹn, đủ đồ đủ điều. Hơn thế nữa, làng tôi là một làng tương đối nghèo, ai cũng vất vả như ai mới có miếng cơm chõ vào miệng, không có nạn cường hào ác bá để từ đó phát sinh những tranh chấp quyền lợi gây bất mãn. Mọi người đang hàn gắn những đồ vỡ do chiến cuộc gây ra, cả về tinh thần lẫn vật chất và mơ

đến mùa gặt tôi lúa chất đầy đồng, thóc hong đầy sân. Lũy tre xanh đã bung bít họ, tách rời họ khỏi cơn chuyển mình vĩ đại của đất nước.

Đối với bọn trẻ con như anh Sáu và tôi, thì sau chiến cuộc, những giai thoại ma quái nơi thôn dã như được tăng cường thêm bởi em chết của bà tôi và của trọn gia đình người anh họ gồm hai vợ chồng, người chị và hai đứa con nít (bị chết cháy cả nhà đúng vào cái đêm bà tôi bị miêng một-chè văng trúng đầu). Mỗi chiều thứ sáu trong tuần, thím tôi đều ra chỗ nền nhà cháy đen ngồi khóc con gái, con rể và mấy đứa cháu bị chết cháy. Bà khóc có cả tiếng đồng hồ, tiếng khóc vang khắp xóm trông không khí u uất của làng thôn về chiều, khiến cô tôi ngồi đun bếp cũng thỉnh thoảng kéo ruột tượng lên lau nước mắt và tôi vẫn tự hỏi không biết vì khòi, vì thương bà tôi sống cô quạnh và chết tức tưởi, hay vì thương cho chính cuộc đời ế muôn của chính mình mà cô tôi khóc.

Cuộc sống ở thôn quê đối với tôi không còn vẻ đẹp của những lần về ăn Tết và nghỉ hè nữa, mà trái lại, mang một vẻ đe dọa thế nào ấy, đặc biệt là khi chị Cả tôi ngã bệnh sau hai tuần lễ sống tại đây. Bệnh tình của chị mỗi lúc một trở nên trầm trọng và cho thấy những triệu chứng của bệnh sốt thương hàn. Thế là tôi trở thành vú em tí hon của con cháu bé. Cũng chính vì vậy mà tôi không được tham dự sinh hoạt hằng đêm với bọn trẻ trong làng, đặc biệt để sửa soạn cho đêm Trung-Thu năm đó.



Bắt mạch cho chị Cả tôi xong, cậu Điện ra nhà ngoài và ngồi xuống bộ bàn ghế kê ngay giữa nhà, đối diện với chiếc ban thờ bằng đá trắng mà bà tôi đã cấy cục xây được và rất lấy làm hãnh diện, vì dường như đã đòi ba lần bà cò mới được Cha Xứ vào làm lễ tại đó. Cậu Điện là con một ông Hào, học được nghề thuốc của cha nên rất được người

trong họ cung chiều. Có lẽ cả đời cậu, dù sống ở thôn quê, cậu chưa hề sờ tới cái cây, cái cuốc. Hình ảnh của cậu hồi đó so với hình ảnh của cậu yê sau này ở trong Nam thật là cả một trời một vực, dù trước sau cậu vẫn sống bằng nghề thầy thuốc. Ngày đó ở quê nhà, mỗi lần được mời đi xem mạch, cậu chỉ ra đi với một cái quạt phe phẩy nơi tay, xem mạch xong bảo thân nhân của người bệnh cho người theo cậu về nhà lấy thuốc, dĩ nhiên là mang theo cả tiền nữa. Những lần cuối cùng tôi gặp cậu trong Nam thỉnh thoảng vẫn tới nhà bốc thuốc cho mẹ tôi thì khác hẳn : cậu thường mang theo cả một vali lớn đựng thuốc buộc ở phía sau một chiếc ve đạp dân ông cũ, với chiếc áo sơ mi và cái quần pi-da-ma bằng vải màu đen, đôi dép xăng-đan và cái mũ vải, cậu có vẻ xơ xác dù vẫn diễm đạm, lưng vẫn thẳng — cái lưng dài « tổn vải ăn no lại nằm » của một thư sinh chốn thôn dã — chỉ hơi cong xuống một cách miễn cưỡng khi cậu đạp xe. Cha tôi

không ưa cậu vì giản dị, cậu không phải sống vất vả lam lũ và gia đình cậu có vẻ giàu hơn gia đình bà tôi — nhà cậu xây cao hơn nhà tôi với những cái dầm có chạm trổ, cửa nẻo kín mít, bể nước mưa vừa lớn vừa sâu, phải leo tới ba bậc mới mức nước được, và cả một cái vườn lớn với nhiều cây ăn trái cùng những ngọn cau cao ngất ngưỡng và những giàn trầu không xum xuê...

Lúc đó tôi đang ngồi vờn ru bé Minh ngủ. Cậu Diện bước lại ngó con bé mấy hôm nay tọp hẳn đi vì thiếu sữa mẹ.

— Nó không chịu ăn bột à ?

Cậu Diện hỏi. Anh Cả tôi đáp :

— Nó nhớ sữa mẹ. Pha sữa bò nó cũng không chịu ăn chứ đừng nói tới bột.

Cậu Diện có vẻ suy nghĩ một lát, rồi như sực nhớ ra điều gì :

— Hay cho nó đi bú chực con mẹ Địch ấy. Con nó cũng được đâu mấy tháng.

Anh tôi nhìn con, gật gù. Vẫn với tất cả vẻ thông thả cổ hũu, cậu tôi đi ra ngoài hè nhìn quanh quần một lát, rồi nói điều gì đó với anh tôi. Anh tôi đáp lại một cách hạn chế, mắt nhìn xuống hè. Những ngày đó, người lớn, qua cái nhìn của tôi, có một cái gì bí hiểm ghê gớm lắm mà chỉ về sau này tôi mới hiểu vì sao. Nhưng linh tính nhanh chóng gây nơi tôi một ấn tượng không đẹp về người gọi là cán bộ Cộng Sản.


Kể từ đó, tôi có bốn phận mỗi ngày bốn lần, sáng trưa chiều tối, bằng con cháu bé ra nhà ông Quán Địch bú chực sữa chị Địch, con dâu ông. Dĩ nhiên tôi không dám đi một mình bao giờ hết vì hai lẽ, tôi sợ con chó của ông Quán và sợ luôn cả ông Quán — một thứ « hung thần » của bọn con nít làm biếng đi nhà thờ và có tại ngủ gà ngủ gật trong giờ đọc kinh.

Nhà ông Quán nằm bên mặt con đường cái ăn thông từ đầu làng đến cuối làng, tách

biệt hẳn với xóm chúng tôi. Đó là một ngôi nhà lợp tranh, nền đất, tuy cũng ba gian nhưng nhỏ và hẹp, ngó ra một khoảng sân gạch rêu phong và ẩm ướt, nằm lọt giữa lùm tre già. Mỗi lần trao con bé cháu cho người con dâu ông Quán rồi, tôi và bọn em họ hay kéo nhau ra bờ ao ở sau nhà ông Quán chơi. Tại bờ ao này có một cây si mọc nghiêng trên mặt ao. Ngồi trên thân cây si này, tôi có thể nhìn thấy từng bầy vịt đủ cỡ lúc nhúc bơi lội trong làn nước ao tù đục lờ. Những cái đẹp thôn dã được các tác giả con nhà giàu thuộc nhóm Tự Lực Văn Đoàn mô tả trong các tiểu thuyết của họ, đối với tôi lúc đó chẳng có gì là đẹp cả. Tỉ dụ như cái ao này chẳng hạn. Nước thì là nước tù, lúc nhúc những đĩa, là nơi người dân quê vừa giặt giũ áo quần, tắm rửa, vừa rửa rau vo gạo, thôi thì đủ các thứ công dụng... Tôi sợ tắm ao nhất, vì đĩa và các giai thoại về cái giếng còn trùng sống dai này mà tôi được nghe kể, chỉ cần nhìn thấy chúng thôi là tôi

dã lạnh cả người. Mỗi lần ôm quần áo ra ao tắm, chỉ cần nhìn thấy một con bìm ở cầu ao là tôi thà chịu ở bần hóm đó hơn là tắm. Đó cũng là một trong những nguyên do mà sau hai tháng ở nhà quê, tôi đem về thành phố một thân thể lờ chốc dễ sợ.

Ban ngày bế con cháu đi bú chực, dầu sao cũng giản dị hơn là về đêm. Tôi vẫn nghĩ rằng trong cái đêm con nít cầm đèn xếp hàng đi từ xóm ra nhà ông Quáu mỗi đêm ấy, chỉ cần một đứa hô « ma » rồi ù té bỏ chạy, là tôi dám té xỉu với đứa cháu trên tay lắm nếu chạy không kịp dù thực sự chẳng có con ma nào đuổi theo cả. Chắc tôi chẳng bao giờ có thể trở thành một « thiếu nhi nông thôn » chính hiệu được. Tôi cứ nghĩ hoài với tôi như thế, khi đem mình ra so sánh với bọn em họ sống ở nhà quê.



Khi chị Cả tôi khỏi bệnh cũng là ngày chúng tôi tiêu đến đồng hạc cuối cùng. Chị

Năm được cử ra Hải Phòng xin viện trợ của cha mẹ tôi. Những cọng rau muống, rau khoai cuối cùng ở mảnh vườn nhỏ phía sau bể nước trong sân nhà đã bị chúng tôi nhặt hết, đến cả nước mưa để uống cũng không còn. Cô Bốn tôi cảm thấy cần phải dấu tiền của cô ở một chỗ kín hơn để chúng tôi khỏi hỏi vay. Cô cũng tính chuyện thổi nồi cơm nhỏ để ăn riêng nữa. Chúng tôi chỉ có thể mua chịu thóc của cô và tôi với anh Sáu học xay thóc nơi cái cối xay ngoài hè. Chân ướt chân ráo ở tỉnh về, chúng tôi vẫn còn thuộc thành phần ăn hại hơn là sản xuất. Anh Sáu nghĩ tới việc câu cá để kiếm thêm thức ăn cho gia đình. Tôi nhớ một hôm anh xách cần câu đi câu trộm cá ở ao nhà một bà thím họ xa giữa một buổi trưa hè hết sức yên tĩnh. Kết quả của chuyến câu trộm ấy là một con lươn cỡ bự cần phải lưới câu. Lươn là thức ăn mà không ai trong anh em chúng tôi mong đợi. Trả con lươn lại thì không xong rồi, vì chả đứa nào trong bọn anh Sáu và tôi dám dùng

đến con vạt cá. Bối rồi vò cùng, chúng tôi cứ cầm nguyên cần câu với con lươn giấy đánh đập ở đầu dây câu và chạy về nhà một người anh con ông bác nhờ bà chị dâu giải quyết dùm. Anh Sáu chỉ có mỗi « biệt tài » câu cá ở ao, nhưng cái ao nào trong xóm thì cũng đều có chủ cả. Một đôi lần anh đi theo bọn anh em họ đi học đơm tôm đơm cá, nhưng kết quả là chúng tôi vẫn phải mua chịu lại những mẻ tôm cá họ đơm được. Những bữa cơm thật đạm bạc, nhưng chúng tôi lại ăn khỏe hơn bao giờ hết và lại hay ăn vặt nữa.

Cùng với nỗi chật vạt về vật chất, tôi bắt đầu thấy nhớ mẹ và các em tôi vò cùng. Nhiều buổi trưa ngồi ngoài hè nhìn ánh nắng nhảy nhót trên những tàu lá chuối tả tơi ngoài mảnh vườn nhỏ, tôi càng nhớ mẹ hơn. Chỉ cần bị một ông cậu hay bà thím nói nặng một câu là cũng đủ làm tôi tủi thân nhớ mẹ đến phát khóc. Chính trong thời kỳ này tôi

thuộc một số thơ của Nguyễn Bình mà chị Cả thường hát ru con. Cái tâm trạng của người con gái già từ nhà bố mẹ đi lấy chồng dường như có vẻ phù hợp với nỗi nhớ mẹ của tôi lúc đó. Nằm nghe chị Cả ru con, nhất là vào những buổi tối quá sức yên tĩnh của thôn quê, tôi thường tra nước mắt và không hiểu tại sao đôi người lại có vẻ khổ ải đến thế. Giọng ru con của chị Cả thật nao nức, buồn thảm, y như cuộc sống chật vật đen tối của chúng tôi lúc đó. Tự dưng, tôi có cảm tưởng anh em chúng tôi bị bỏ quên ở xó nhà quê này.

Tôi nhớ mẹ, nhớ các em, nhớ ngôi nhà của gia đình ở Hải Phòng, nhớ những cuốn truyện thần thoại vắt lại ngoài đó, nhớ bạn bè, nhớ con đường trồng cây phượng vĩ từ nhà tôi trường, nhớ hồ Con Vẹt bát ngát những xu là xu... Tôi thiếp ngủ trong tiếng hát day dứt của chị Cả như lời tâm sự với chính chị, dù bé Minh cũng đã ngủ tư lầu. Một

buổi sáng thức dậy tôi khám phá dưới lưng mình, trên nền chiếu còn trải trên mặt đất xác một con rết đã bẹp rì từ hồi nào khiến tôi sợ muốn phát khóc. Sợ hồn ma của bà nội, tôi và anh Sáu thẳng Chin không dám nằm ngủ ngoài nhà nên rúc vào buồng anh chị Cả, trải chiếu trên mặt đất nằm. Việc phát giác ra con rết đã khiến tôi không dám nằm dưới đất nữa. Anh Cả đành phải nhường chỗ cho tôi nằm trên phản gỗ với chị Cả và bà Minh, vì chị Cả lỡ nói với tôi là con rết không bò lên tường được nên không thể leo lên phản được.



CHƯƠNG BỐN

Trung Thu thanh đạm

THỜI gian không có tên lặng lẽ trôi qua. Tôi gọi là « không tên gọi »; bởi lẽ không có lịch, không có báo, không có máy phát thanh, nên chúng tôi hầu như không nhận ra sự khác biệt của những ngày trong tuần — cho đến khi bọn em họ khác nhau về bữa liên hoan mừng Trung Thu sắp tới tại đình làng, tôi mới hay Trung Thu đã gần kề. Nhìn những bữa ăn thiếu hụt hàng ngày, tôi hiểu rằng mình chẳng nên băn khoăn nghĩ ngợi gì nhiều về một mâm cỗ trông trắng

khi mà chị Năm vẫn biệt biệt chưa thấy thấy trở lại làng.

Chị Cả đã mạnh, nên buổi tối sau khi ăn cơm, tôi có thể trao bé Minh cho chị để theo tui nhỏ ra đình tập hát, tập liên hoan, hoặc ít ra xe mọi người tập tành với nhau ở ngoài sân đình, trong khi anh Cả hợp hành với những thanh niên cỡ tuổi anh ở phía trong đình. Trong khi anh Sáu có thể hòa hợp với bọn trẻ một cách tương đối dễ dàng hơn thì tôi vẫn cứ có cảm tưởng mình lạc lõng thế nào ấy, dù tôi đã học cách phục sức của bọn trẻ gái nhà quê: áo cánh nâu và quần đen, tóc kẹp bằng chiếc kẹp ba la mua của chị hàng xen ngoài chợ Văn Quán. Một đôi lần tôi còn bị gọi là cháu của địa chủ và bị tui nhỏ, nhất là bọn con gái, phân biệt một cách rõ ràng. Đối với một đứa trẻ không có gì khờ bằng không được chấp nhận một cách trọn vẹn vào những trò chơi có tính cách tập thể. - Co lẽ vì thế mà tôi dần dà cũng ít ra đình

vào buổi tối, không phải vì không thú những buổi tập hát, tập nhảy liên hoan. Tôi luẩn quẩn bên chị Cả nghe chị kể chuyện và đùa với bé Minh, chán, tôi đem cuốn truyện bằng tranh lấy được ở nhà ông Quản Địch nhân đạo đem bé Minh đi bú chực ra coi tới coi lui không biết bao nhiêu lần mà kể. Cuốn truyện nhan đề là « Chàng Trương Chi tán thời ». Dù chẳng hiểu tí gì về vấn đề thời cuộc, về thế nào là quốc gia thế nào là Cộng Sản, nhưng tôi cũng hiểu rằng đây là một cuốn sách cấm và có lẽ do người Pháp hoặc phe Quốc Gia ấn hành nhằm mục đích tuyên truyền. Tôi đọc cuốn sách ấy hai lẽ giản dị : tôi chẳng có sách nào khác để đọc, và tôi lại rất thích xem hình vẽ, hơn thế nữa câu chuyện của chàng Trương Chi tán thời này khác hẳn câu chuyện của chàng Trương Chi mà tôi vẫn được nghe kể khiến tôi thấy cũng ngộ ngộ vui vui. Chàng Trương Chi tán thời này là một gã chèo đo đẹp trai chứ không xấu xí như lời truyền, chàng ta cũng



cò giọng hát rất hay và được con gái của một vị quan thăm yêu trộm nhớ và chàng cũng rất yêu nàng. Kết quả của cuộc tình này là hai người được gia đình cho phép lấy nhau. Nhưng rồi chiến cuộc xảy ra, chàng đi theo Việt Minh và trở thành một anh cán bộ trung kiên. Hết rồi người nghệ sĩ ngày nào trong chàng Trương Chi nọ. Chẳng những thế, khi trở về quê nhà, chàng còn thảng tay tổ khổ người cha vợ mặc dù ông này là người rất nhân từ, đã treo ấn từ quan từ khi xảy ra cuộc toàn quốc kháng chiến. My Nương, vợ chàng, thấy vậy đau khổ làm bệnh mà chết. Câu chuyện kết thúc với lời bàn: theo Cộng Sản là sẽ tan nhà nát cửa, là hết còn là con người, là trở thành một thứ quái vật khát máu v.v...

Câu chuyện của chàng Trương Chi tàn thời được đan kết với những lối trò chuyện nho nhỏ và những cặp mắt ngó quanh quất của người lớn khiến tôi co cảm giác bị vây

phủ trong một bầu không khí xa lạ, khó làm quen với. Thêm vào đó là sự tầy chay của bọn nhỏ trong làng dành cho tôi, nên tôi càng mong đi khỏi nơi này hơn. Tôi bắt đầu thấy những buổi chiều ở thôn quê âm ỉm, ngọt ngào một nỗi nhớ thương của tôi dành cho những người thân ở ngoài Hải Phòng. Ý nghĩ là sẽ không bao giờ được nhìn thấy mặt cha mẹ và những người anh em còn lại khiến tôi thấy cuộc sống của mình trở thành đen tối vô nghĩa. Anh Cả tôi bắt đầu thờ dài ở mỗi lần nghe tiếng mõ rao mời đi họp ngoài đình làng. Chị Cả tôi tuy đã khỏi bệnh nhưng mất sữa, thành ra bé Minh dù không muốn cũng phải tập ăn bột, và mỗi lần nhìn con nhỏ ăn bột là mỗi lần chúng tôi phải huy động tất cả khả năng văn nghệ sẵn có để con bé vui mà nuốt bột trong khi anh Sáu ra sức gõ bập bung trên cái trống bằng da ếch mà anh tự làm lấy, thì tôi và thằng Chín nhảy những điệu học được ở ngoài đình. Một ngày ba lần trình diễn văn nghệ miễn phí kiểu đó

cũng không làm tôi hết ngỡ ngàng với chờ đợi... Tôi thường giữ không cho bé Minh ngủ để có lý do bồng nó ra đầu làng, nhất là vào những buổi chiều, ngóng về phía con đường để chạy ngoằn ngoèo qua các cánh đồng và mất hút ở xa xa hầu tìm một bóng dáng người thân yêu có thể bất ngờ xuất hiện. Để đáp lại sự mong đợi của tôi, từng bầy trẻ đánh trâu về làng, gọi nhau ơ ơ giữa thành không của đồng ruộng. Đứng chân ở cổng làng, tôi vào ngồi ở bậc thềm phía trước ngôi thánh đường cũ kỹ rêu phong, hầu những dấu vết đỏ nát của một thời chinh chiến, lấm lét nhìn ông ông Quán Địch cầm cây roi thật dài xua tội nhỏ cỡ tôi vào nhà thờ đọc kinh chiều. Tôi biết là ông Quán chả bao giờ dám đụng đến tôi và anh Sáu hết, nhưng chúng tôi vẫn sợ ông ta như thường. Việc tôi giữ bé Minh đủ khiến cho ông nghĩ rằng có bắt tôi vào nhà thờ đọc kinh cũng vô ích. Rất thoảng, ông đứng lại hỏi thăm tôi.

— Thế nào, lớp này con học chín à, ba ba?

chưa ? Mẹ nó mất sữa thì cứ bế nó ra ngoài tao bú có được không ?

Xong, ông lững lững đi vào nhà thờ với chiếc roi mây dài dung đưa nơi tay đôi mắt kẹp nhèm nhưng đầy vẻ hung dữ. Việc cho chọn một ông Quản hung dữ là việc cần thiết để trị bọn trẻ rần rần, không cho phép chúng xao lãng bổn phận của những con chiên của Chúa ! Đứa nào không đến nhà thờ buổi chiều không xong với ông Quản, vì ông sẽ đích thân mỗi chiều, trước khi đến nhà thờ, cầm roi đến từng nhà trong xóm thúc giục, đe dọa, và nếu cần, mắng mỏ, đánh đập những đứa lười biếng. Nơi mỗi làng quê thường ngự trị sẵn một thứ kỷ luật lạ lùng, từ những việc phần Đời cũng như phần Đạo.

Rất thỉnh thoảng, anh Sáu lên ra ngồi với tôi và chúng tôi trao đổi những thắc mắc không có câu giải đáp.

— Bầy ọ, chắc Cậu Mợ ngoài Hải Phòng quên tụi mình rồi đấy nhỉ ?

— Trung Thu này không biết chị Năm cô về kịp đem bánh cho tụi mình không nhỉ?

— Anh nhớ Trung Thu năm nào chị Tư đòi mở hàng bán con giống. Có thằng nhỏ tời mua một con ngựa về đánh gãy chân đem lại bắt chị Tư đền...

— Ừ, em cũng nhớ cái hôm đó. Vậy mà chị Tư cũng đền nó mới ừc chứ...

— Ngày Bẩy, mai phiên chợ, mình lên Văn Quán chơi đi? Đi xem đồ Trung Thu biết đâu chẳng gặp chị Năm về. Mình đi đón chị Năm luôn.

— Phải xin phép chị Cả đã chứ.

Anh Sáu ngưng một lát, rồi như sực nhớ ra điều gì, anh bảo :

— Hình như sáng mai cô Bốn bán mấy con heo của cô ấy thì phải.

— Ai bảo anh thế?

— Anh nghe cô ấy nói với thím Tía. May ra cô ấy cho tụi mình cái gì để mừng Trung Thu.

— Chưa chắc đâu. Cô ấy ghét tội mình lắm.

— Sao hồi xưa khi mình về ăn Tết, ai cũng tử tế với mình thế nhỉ?

— Tại hồi đó bà còn sống.

— Ừ, chắc tại vậy đó.

Hồi đó em sợ bà lắm, anh biết tại sao không? Tại bà già. Em cứ tưởng tượng đến mu phù thủy trong phim Bạch Tuyết và bảy chú lùn... Thành ra cái tối hôm bà qua nhà cậu Chùm đón em về ngủ, em không về.

— Bảy nào.

— Thật đấy...

— Không biết tối nay cơm có gì không nhỉ?

— Hồi chiều em thấy chị Cả sang cậu Chùm hái rau muống. Chắc lại rau muống chẻ chấm nước mắm tỏi ớt... May ra cô Bốn cho tội mình vài con cá trạch kho. Giá có Mợ nhỉ? Em nhớ Mợ quá anh Sáu ạ.

— Sáu cũng thế., Ừ, giá có Mợ ở đây..

Trong đầu óc non nớt của chúng tôi, hình ảnh của người mẹ có tính cách vạn năng, có lẽ hơn cả hình ảnh của một Chúa Giê-Su mà chúng tôi được dạy phải tin từ độ bập bẹ nói kèm theo với một lô hình phạt dành cho những kẻ nào không chịu tin. Chúng tôi không cần biết rằng, chính trong lúc hai anh em ngồi nơi bậc thềm nhà thờ trong bóng chiều chạng vạng, giữa tiếng kinh cầu kéo dài lê thê như thời gian không tên gọi của miền thôn dã trao đổi nỗi nhớ mong về người mẹ, thì mẹ tôi ở Hải Phòng đang điên đầu về đủ các thứ chuyện, nổi bật nhất là những tin tức do những người từ bốn phương đổ về Hải Phòng đợi ngày xuống tàu vào Nam, nói về những cuộc cải cách ruộng đất dẫm máu tại những vùng Cộng Sản chiếm đóng, đặc biệt là những vụ đàn áp tôn giáo (thậm chí mẹ tôi đã định nghĩa người Cộng Sản là kẻ thù của tôn giáo, nhất là Thiên Chúa giáo của bà, mà không cần biết đến những đặc tính khác của họ).



Khu chợ trời được thiết lập ngay tại bãi Bo-nap Hải-phòng, nơi trước kia chúng tôi thường được dẫn ra ăn bánh tôm — những cái bánh tôm vàng ngậy, thơm dòn lấm lấm bằng bột, trứng với khoai lang thái nhỏ, tất cả được trộn đều với nước, xong bỏ vào chảo dầu chiên thành từng lát mỏng, tròn, và một con tôm nằm trên chót, thứ bánh này ăn kèm với rau muống chẻ, nước mắm tỏi ớt. Bây giờ những hàng bánh tôm không biết đã được dẹp đi đâu để thế vào đó là những sạp gỗ thấp có bạt che nắng mưa, nơi bày đủ các thứ áo quần, đặc biệt là đồ lạnh, bán với giá rẻ; ngoài khu áo quần có khu đồ đạc đủ loại: từ những tủ chè, sập gụ, bàn ghế cò xưa với những đường nét chạm trổ tinh vi khéo léo, đến những thứ lặt vặt như nồi niêu xoong chảo. Người mua cũng như kẻ bán đều vội vã như thể bị lửa đuổi.

Tôi nắm chặt lấy vạt áo mẹ tôi lúc ấy đang len lỏi giữa đám chợ đông với khuôn

mặt hoảng hốt mà tôi chẳng hiểu rõ nguyên nhân. Mẹ tôi gầy và già hẳn đi vì những lo âu chồng chất. Đột nhiên, có một lúc mẹ tôi vừa lách mình vào lọt giữa một khối người đang vừa mua đèn vừa cãi vả tranh biện thì cái khối ấy bèn khép ngay lại, kẹp cái vạt áo của mẹ tôi ở giữa với tôi bèn này còn nắm chặt cái vạt ấy. Tôi cố sức tìm một chỗ hở để lọt vào mà không được. Tôi gào to lên nhưng chẳng ai đoái hoài tới tôi hết và người ta cứ tiếp tục cãi vả tranh biện. Tôi giật giật cái vạt áo của mẹ và gọi « mẹ ơi ! » thật lớn. Không có tiếng mẹ tôi đáp lại. Tôi dùng mạnh cái vạt áo của mẹ. Vạt áo rời ra, nằm chết rũ trên tay tôi. Tôi òa khóc.

Giữa lúc đó, tôi chợt thức giấc và thấy một bên má ướt sũng nước bết cả vào tóc. Hốt hoảng, tôi chồm dậy để thấy mình đang nằm một mình trong buồng anh chị cả ở nhà quê. Mọi người đã dậy. Từ ngoài sân vắng vào những tiếng ồn ào khác thường : tiếng người lạ nói chuyện với cô Bốn, tiếng

heo kêu éc éc và tiếng bọn trẻ bàn tán, cười đùa.

Tôi lần ra khỏi phòng, vừa đi vừa dụi mắt. Một ngày không tên gọi khác vừa bắt đầu. Bọn lái heo đang sửa soạn gánh cặp heo béo tròn bị trời gô nằm trên mặt sân, dãi dớt lòng thông, đôi mắt van lơn vô vọng. Gần đó, cô Bốn đang cầm gói tiền, thần thờ nhìn những con vật đã trở nên gần gũi thân thuộc với cô từ nhiều tháng qua. Tôi đã từng thấy nhiều hôm cô ngồi hàng giờ nhìn bầy heo ăn, giỡn trong cái chuồng nhỏ ở góc sân, lầm bầm nói những gì đó với chúng. Giữa bầy cháu và con mèo đen của bà tôi mà cô coi như những kẻ xa lạ, bầy heo có lẽ đã chiếm trọn cảm tình của cô, bởi vì ngoài việc ăn... như heo, chúng có bao giờ hỏi vay tiền của cô như chúng tôi đâu và có bao giờ ăn vụng cá của cô như con mèo đen của bà tôi đâu. Là người con gái duy nhất sống ở nhà với bà tôi theo đúng nghĩa « ở nhà » vì cô hầu như chưa có một lần rời

quê đi đến đâu, trừ phi sang các làng lân cận. Tôi hiền rất ít về cô vì cô chẳng bao giờ trò chuyện với bất cứ ai và cũng chẳng ai buồn trò chuyện với cô hết bởi cái vẻ cau có và lối nói khó khăn của cô. Tự nhiên buổi sáng hôm đó, tôi hơi thương cô Bốn khi thấy cô tần ngần nhìn bầy heo được mang đi, đôi mắt còn hướng về phía người đã dày công nuôi nấng chúng từ khi còn nhỏ bằng con chó con. Tôi muốn nói với cô câu gì đó, nhưng ngay khi bọn lái heo vừa gánh heo đi, cô Bốn trở lại ngay con người cố hữu của cô với mớ tiền nửa Cự Hồ, nửa Đông Dương (hồi đó người ta vẫn xài cả hai thứ tiền một lúc ở những vùng mới tiếp thu, dĩ nhiên, tiền Đông Dương phải xài lên lút nếu không muốn bị tịch thu) với nỗi sợ bị hỏi vay. Ấy vậy mà chị Cả cũng khéo léo thuyết phục được cô cho vay một mớ tiền Cự Hồ. Chị Cả vay được tiền cô Bốn, dĩ nhiên là chị đi ngay phiên chợ hôm đó và cũng dĩ nhiên là tôi phải ở nhà coi bé Minh, hết hy vọng theo anh Sáu lên chợ Văn Quán xem chợ họp.



Nhà bà tôi nằm quay mặt về hướng Đông thành ra buổi sáng mặt trời chiếu nắng vào hè. Đang buồn vì không được đi xem chợ họp lại thêm bức vì ánh nắng mặt trời làm ngứa ngáy bị sảy đốt, tôi bồng con bé cháu sang nhà cậu Chùm tôi chơi. Thừa hưởng tính ghét những ràng buộc họ hàng của cha tôi, nên chúng tôi có khuynh hướng gần gũi với bà con bên ngoại nhiều hơn, và đó cũng là lý do tôi hay có mặt bên nhà cậu Chùm hơn là bên nhà các bà bác bên nội.

Cậu tôi đang ngồi dùng nhựa cây gáo lại cái mâm gỗ mà chiều hôm qua vì giận dữ cái gì đó, cậu đã đập vỡ làm đôi (về sau này, cậu tôi thỉnh thoảng nhắc lại câu chuyện này mỗi khi thấy những cặp vợ chồng trẻ giận hờn nhau). Mẹ tôi rất hạnh diện về anh em của bà, đó là lẽ tự nhiên, nên thỉnh thoảng tôi vẫn phải chứng kiến những cãi vã giữa cha mẹ tôi chỉ vì cha tôi đã tỏ ra coi thường một người em vợ nào đó, như ông vẫn chẳng coi trọng ai bên họ ông cả. Tuy cậu tôi là em

nhưng vì là người con trai lớn nhất còn sống, nên mẹ tôi mặc nhiên coi cậu tôi như một thứ quyền huynh thế phụ, có quyền khuyên bảo sửa đổi ngay chính người chị là bà. Mẹ tôi thường buồn vì con cái bà thấy đều giống lính chồng ở chỗ không ưa những thứ ràng buộc họ hàng, nếu không nói là ghét.

Tôi đặt bé Minh xuống hè nhà, ngồi xem cậu tôi gắp cái măm gỗ.

— Mẹ mày vẫn chưa về à ?

Cậu tôi hỏi một cách lơ đãng. Một niềm vui lóe lên trong tôi :

— Mẹ cháu bảo là mẹ cháu về hả cậu ?

Rồi như sự nhớ tới giấc mơ hồi sáng, tôi cảm thấy vừa lo vừa sợ. Tôi không dám kể cho ai vì sợ lỡ nói ra, giấc mơ đó ứng nghiệm thì khổ. Tôi nghe người ta thường nói đến những thứ « điềm chiêm bao » này nọ nên sợ lắm. Về sau này tôi mới hiểu rằng chẳng những bọn anh em tôi mong mẹ tôi về, mà chính cậu tôi cũng đang đợi mẹ tôi

về đề quyết định lần chót nên đi vào Nam hay ở lại. Cuộc sống ở thôn quê bề ngoài trông lạng lờ là thế, mà bên trong mỗi người lớn sống quanh tôi lúc đó là cả một dân vật, ray rít, bận khoản về nổi đi hay ở, mặc dù vùng họ ở đã được tiếp thu, và mặc dù mỗi buổi tối những người như câu tôi đều phải có mặt ở ngoài đình họp họp hành hành nên không muốn bị kết tội là đang âm mưu theo quân Việt gian bỏ nhà bỏ cửa vào Nam.

Vừa lúc đó, có tiếng mẹ tôi nói lớn ở trong bếp :

— Tao già rồi, còn họp hành cái gì nữa. Việc họp hành để cho đàn ông. Từ hồi nàc đến giờ vẫn thế mà.

Tiếng Quý, người con trai lớn của cậu tôi đáp lại :

— Thời buổi này đâu còn như ngày trước nữa mà mẹ nói vậy. Già thì có sinh hoạt của người già, phụ nữ cũng có đoàn thể của phụ nữ. Con là người có bổn phận đôn đốc mọi người trong xóm tham gia sinh hoạt

tập thể, con không thuyết phục được mẹ thì làm sao thuyết phục được các đồng chí khác...

Không đợi Quý nói tiếp, cậu tôi gọi giọng giận dữ :

— Quý ! Lên bảo !

Vừa thấy mặt con trai, cậu tôi xia xói :

— Mày nói đồng chí ở đâu thì nói, tao cấm mày dùng tiếng đó ở nhà này nghe không. Cái gì mà lớn bé già trẻ gọi nhau là đồng chí với chả đồng choé, rõ là loạn rồi chắc.

Quý tái mặt, nhưng có lẽ vì giáo dục của một gia đình nho phong còn đè nặng trên tâm hồn người thanh niên mới mười bảy, mười tám này, nên anh ta đành ngậm tậm. Cậu nói tiếp :

— Mày không thấy mẹ mày nay ốm mai đau sao mà cứ bắt bà ấy đi họp ?

— Nhưng mà... thưa thầy, ở ngoài đình...

— Ngoài đình là chuyện ngoài đình...

Mợ tôi lo lắng can cậu tôi

— Thôi, thầy nó. Nói gì thì nói khe khẽ thôi, kéo người ta nghe được...

Cảm thấy không khí căng thẳng, tôi bỗng bé Minh chuồn thẳng về nhà. Tôi nghĩ : có lẽ chẳng phải mình tôi không hòa mình được với sinh hoạt của tập thể (mà từ hồi nào tôi cho rằng chắc tại tôi chưa gột bỏ được chất tỉnh thành để lột xác thành một thiếu nhi nông thôn thực thụ), mà ngay cả cậu tôi, người đã có thâm căn cố đế ở chốn này, cũng cảm thấy xa lạ...

Tôi đang vừa đi vừa ngẫm nghĩ như thế thì đụng đầu với anh Sáu ở lối cổng vào. Với vẻ mặt hớn hờ, anh Sáu bảo tôi :

— Đố Bầy...

Không đợi anh nói dứt, tôi kêu lên :

— Mợ về hả ?

— Sai.

— Chị Cả mua cho Bầy cái đèn xếp ?

— Sai.

Không đợi được nữa, tôi chạy ùa vào sân. Trên thềm nhà, chị Ba với mái tóc uốn

úp vào cần cõ ba ngón trắng ngần, chưa kịp cởi chiếc áo dài cổ cao cắt may thật khéo và chiếc quần trắng tinh thành, đang đáp lại lời hỏi thăm của bà con. Trong buồng, chị Năm đang vừa tu tit kể vờn chị Cả, vừa lôi một mớ gói giấy trong va-li ra :

— Chị coi. Có gì đâu mà hết trạm bên kia đòi khám đến trạm bên này đòi khám. Toàn tỏi, chanh với ớt không. Thế mà họ cho là mình đi buôn được, rồi còn đòi đánh thuế nữa chứ !

Quả như lời chị Năm, cả một va-li, ngoài vài bộ quần áo, còn thì toàn là tỏi ớt với chanh. Chẳng là chị Năm đã nếm khá kỹ mùi vị của những lần đi xin ớt, xin chanh, xin tỏi ở những nhà họ hàng có vườn cây, mà chị thì lại là « cây ăn » mấy thứ đó, thành ra chuyển đi cầu viện ở Hải phòng của chị kết quả chỉ có vậy. Chị bảo :

— Để về ăn cho bổ tức !

Trong khi chị Ba ôm bé Minh hôn tu tit thì tôi tuu nghỉu đứng bên cạnh anh Sáu

và tháng Chín. Nếu tôi biết được rằng mùa Trung Thu ấy, không chỉ mình chúng tôi không được ăn tết Nhi đồng, thì có lẽ tôi cũng đỡ buồn hơn...



Chị Năm đang nằm trên sập, nghe có tiếng đàn ông ở ngoài cổng, bật ngay dậy và chạy ra hè chờ. Bác Phận ở xóm dưới biết tính chị nên đã bọc sẵn một mớ ổi quanh bụng và nơi tay xách theo hai trái bưởi đem tới tận nhà bác. Chị Năm tôi có cái « biệt tài » là khoái ăn vặt, cái gì mà chấm với muối giã thật nhiều ớt là chị phải chiêm giải nhất. Một trái ổi xanh hay một quả muỗm chua lét, vào tay chị là trở thành ngon lành ngay : chị có lối nhai dộp dộp làm người khác thấy bắt thèm, muốn ăn, dù có ăn vào cũng không thấy ngon bằng nhìn chị biểu diễn ăn cho mà xem.

Nhưng hôm nay mặc dù thèm, chị Năm cũng cất mớ trái cây đi theo lời yêu cầu của

chúng tôi, để tối nay phá cỗ trông trăng.

Cơm nước buổi chiều đã xong. Nấy chị em chúng tôi ngồi tùm tùm ngoài hè nói chuyện. Cô Bốn, như bao giờ, ngồi cách chỗ chúng tôi mấy thước, nghe chuyện hơn là nói góp, với một vẻ buồn xa xôi và cái miệng há hốc ra một cách không tự kiểm soát được. Chỉ có một lúc, chị ba tôi quay sang mời cô vào góp mặt với chúng tôi, cô chỉ ừ hử, rồi vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, tay phe phẩy cái quạt nan. Đáp lời tôi hỏi thăm về tết Trung Thu ở ngoài Hải-phòng, chị Ba bảo :

— Mọi bận lắm, đâu có thì giờ mà tổ chức gì đâu...

Bỗng tối phủ dần xuống khoảng sân rộng thênh thang. Bầy dơi đã thấy lảng vảng ngoài vòm sân và mặc dù không còn ánh sáng mặt trời nữa mà chúng cũng bay với tất cả vội vã, vụt qua như những mũi tên không có đích, hoàn toàn mù quáng, như

sẵn sàng đâm vào bất cứ đâu.

Chị Cả đứng dậy vào nhà thắp một ngọn đèn dầu. Hôm nay chúng tôi tương đối « giàu xu », thành ra có lẽ vì vậy mà chị Cả tự cho phép xài sang chút đỉnh. Chị quay ra, nói với chị Ba :

— Lát nữa cô qua chào cậu mợ một tí. Cậu đang có ý trông mợ mình đấy.

Chị Ba tôi chưa kịp đáp thì chợt có tiếng mõ lốc cốc từ xa lại, rồi dừng lại trước cổng nhà. Anh Cả nén tiếng thở dài và dậm bước đứng dậy. Chúng tôi thấy đều đã quen với những thứ sinh hoạt đó, nhưng chị Ba thì chưa. Chị ngạc nhiên hỏi :

— Mõ gì vậy ?

— Mõ của thằng Quý, mời đi họp... Lát nữa chị ra đình xem liên hoan không? Vui lắm.

Anh Sáu nhanh nhẩu nói. Vừa lúc đó Quý bước vào sân với hai người cán bộ Cộng Sản còn trẻ. Hai người này nhìn chị Ba

chăm chấp. Tôi nghĩ chắc họ thấy chị Ba tôi đẹp. Mà chị Ba tôi cô tiếng là đẹp nhất nhà và là một hoa khôi của đất Cảng thật. Chẳng thế, mà khi chị Ba tôi từ hôn một thanh niên vì chị đã lỡ yêu anh Tuấn, một người bạn của anh Cả, mà báo chí Hải-phòng cũng đăng việc đó thành một bản tin ngắn được, làm cha tôi nổi cơn thịnh nộ, nọc chị ra đánh cho một trận, xé mất của chị một mớ áo dài và đập vỡ tan cây đàn mà chị thường gảy những bản đến giờ tôi còn nhớ được, những bản nhạc có những cái tên gọi nhớ vô ngần như « Dư Âm », « Tiếng Đàn Tôi », « Ngọc Lan », « Đôi Mắt Huyền » v.v... Kết quả là sau đó chị vẫn thắng lợi : không phải lấy người mà chị không còn yêu nữa. Chỉ tội cho mẹ tôi, cho đến nhiều năm về sau, cứ áy náy hoài về uối chưa hoàn lại được khoản tiền trâu cau chạm ngõ vì lý do sau đó, gia đình ông con rề hục dọn đi đâu không ai biết nữa.

Đề đánh tan nghi ngờ, anh Cả tôi giới

thiệu chị Ba với hai người cán bộ. Tuy thế, mấy hôm sau, cậu Diên sang nhà chơi cho chúng tôi biết là chị Ba bị nghi ngờ làm gián điệp cho Pháp. Lý do gián điệp : vì chị tôi quá đẹp. Về quê như thế là chỉ làm gián điệp cho Tây thôi.



Sự hiện diện của chị Ba khiến cho bọn anh em chúng tôi cũng bị nghi ngờ lây. Thành ra việc dự khán buổi liên hoan mừng Trung Thu hôm ấy của chúng tôi ở ngoài đình cũng mất hứng, và mất hứng luôn cả bữa phá cỗ trông trăng tại sân nhà. Bọn nhỏ chúng tôi mỗi đứa được chia cho một trái ổi, hai mùi bưởi, vừa ăn vừa nhìn trăng lúc đó đã ngự trị giữa sân, chiếu ánh sáng xanh lạnh xuống khoảng sân trơ trụi. Không có lồng đèn tô điểm, đêm trăng tối nay chẳng khác với đêm trăng của các tháng khác t¹ nào. Chị Năm vốn là người không chịu được không khí buồn tẻ, nên chị nghĩ ra một trò

chơi : Chị lấy cái vỏ bưởi nhờ gọt khéo nên còn nguyên, đem bày giữa sân nói là làm quà cho anh Cả còn bạn hợp hành, kiểm thảo chi đó chưa về tới. Chúng tôi ngồi xếp hàng ở hè đợi cuộc vui mở màn.

Một lát sau, anh Cả về tới. Chị Năm, vẻ mặt tinh bơ, nói :

— Nhà đợi anh về mãi để phá cỗ, thấy trễ, sợ chị Hằng Nga bận việc ở chỗ khác phải đi, nên mạn phép phá trước, để phần anh trái bưởi ngoài sân ấy.

Chị Năm có tiếng là khéo diễn xuất và ăn nói văn chương bóng bẩy mà... Anh Cả xem ra cảm động, nói :

— Sao không bỏ ra má ăn đi, để phần anh cả một trái, anh ăn sao hết ? Năm đem vào bỏ ra chia cho các em.

Chị Năm không lộ vẻ bối rối :

— Tụi nó ăn cả rồi. Ăn thêm nữa, đem đau bụng đi cầu làm sao ? Phần anh mà.

Anh cả tôi cười cười và tiến ra giữa sân trong khi chúng tôi phải lấy tay bịt miệng lại để khỏi cười thành tiếng. Khi anh Cả tôi sắp sửa cúi xuống cầm trái bưởi lên, tôi toan lên tiếng nói thật để anh khỏi tên tở, nhưng lại sợ chị Năm nên đành ngồi im. Khi anh tôi cầm trái bưởi lên và biết rằng mình bị chơi sỏ thì bọn chúng tôi nhất loạt phá ra cười ngặt nghẽo. Nhưng anh Cả tôi vốn rất tỉnh, tay cầm trái bưởi rỗng, nhắc cái phần nhỏ có cuống ra, chup cái phần còn lại lên đầu, vừa đi vào vừa cười nói :

— Anh có cái đầu bưởi này.

Cái vỏ bưởi chup trên đầu anh Cả như một cái mũ kiểu mới. Đến trước mặt chúng tôi, anh gỡ ra và chup lên đầu anh Sáu. Chúng tôi cười rũ rượi vì một trò khôi hài ngây ngô như vậy. Chỉ lúc đó tôi mới nhận thấy mái tóc cắt ngắn của anh thay vì mái bằng hồi nào. Anh đã cố gắng gọt bỏ vẻ thị thành của mái tóc, nhưng dường như từ hôm

anh về quê đến nay người ta vẫn không ngớt nghi ngờ anh. Về trầm lặng cố hữu của anh không cho phép một ai biết những cảm nghĩ của anh, làm sao người ta không bức rộc, nghi ngờ anh cho được? Và mặc dù vui cười với chúng tôi, nhưng tâm trí anh dường như để tận đâu đâu ấy.



CHƯƠNG NĂM

Tiết lập đông

CHỊ Ba rời làng vài hôm sau đó cùng với anh Cả, để lại cho chúng tôi những ngày dài trông đợi. Sự có mặt của chị Ba, việc anh Cả ra tỉnh, tất cả đã tạo thêm những hoài nghi vây lấy lũ chúng tôi. Quý đến chơi nhà chúng tôi thường hơn và tìm cách gợi chuyện hỏi thăm về anh Cả, đại khái như lý do chuyển đi của anh, chừng nào thì anh lại về v.v... Chị Cả cũng thực tình cho Quý biết :

— Anh ấy ra Hà-nội thuê nhà để tụi này ra ở. Hà nội sắp tiếp thu rồi, chúng tôi sẽ ra Hà nội ở, nhà này trả lại cho cô Bốn chứ !

ở mãi thế nào được, chú nghĩ có phải không?
Ở đây nhà quê, làm ruộng thì không được,
chả lẽ ngồi ăn không...

Một buổi trưa cậu Chùm sang chơi với
chúng tôi. Cậu có vẻ buồn vì người con trai
lớn là Quý :

— Tôi thực không hiểu họ đã nhét vào
đầu nó những gì... Này, thế mợ chỉ có nhả
gi không ?

Chị Cả tôi đáp nhỏ :

— Thì... ý mợ cháu là đi vào Nam đấy ạ.

— Nhất định rồi à ?

— Cháu nghe cô Bà nói thế. Mợ cháu
nhả tui cháu thu xếp ra Hải Phòng...

— Còn ý anh ấy thì sao ?

— Có lẽ nhà cháu không muốn đi. Nhà
cháu bảo bây giờ đâu còn là lúc sống nương
vào bố mẹ nữa. Nhà cháu hy vọng ra Hà
nội đầu sao... ở một thành phố lớn chắc
không tời nổi nào...

Cậu tôi thở dài :

— Thật tôi cứ rối cả ruột gan. Tôi thì tôi muốn rằng vui thì cùng vui, mà khổ thì cùng khổ. Nhà chỉ còn mấy chị em, mợ chị, tôi với lại dì Vạn. Mợ chị thì nhất định đi Nam, trong khi đi Vạn thì lên Hà nội thuê nhà ở, chắc là không đi, mấy đứa con gái tôi thì đã theo gia đình chúng vào Nam từ mấy tháng nay. Nhà còn ba thằng nhỏ, tôi không muốn thấy chúng giống thằng Quý... Thật khi không sẩy đàn tan ghé hết cả, gia đình thất tán mỗi nơi một người biết bao giờ mới lại thấy mặt nhau... Mà tình thế này..

Cậu tôi lại thở dài, nhìn cô Bốn đang cạo thóc hong ngoài sân với vẻ lặng lẽ như một kẻ mộng du. Cô tôi có lẽ là người thân nhiên nhất trong họ Giục cô đi họp, cô cũng đi, dù chẳng đề phát biểu gì, dù chỉ để ngủ gát suốt phiên họp cho đến khi người ngồi bên cạnh vỗ vào vai bảo dậy, cô dậy, cầm cái quạt nan và ra về. Không lúc nào cô rời

cái khăn để tang bà tôi, nhưng cô có vẻ tuyệt nhiên chẳng nhớ thương bà tôi tôi mấy may. Có lẽ cô cũng quên rằng cô có một cậu em trai, là cha tôi, ở ngoài Hải Phòng, cùng những người chị gái, lớp đã chết, lớp còn sống có chồng con. Tôi đã từng thấy cô tiếp bà bác tôi, tức chị ruột cô, vờ vẻ mặt đứng đưng thiếu điều không buồn chào hỏi bà ta gì hết ráo. Chúng tôi xi xạo bàn tính đi hay ở, dọn ra Hà nội hay ở lại quê trước về mặt thờ ơ lãnh đạm của cô. Cô không cảm cũng chẳng điếc mà lại như cảm như điếc, miễn là đừng ai đụng đến đồ vật gì của cô. Dường như tôi chưa thấy cô cười bao giờ, cũng như chưa bao giờ cô đi xa hơn làng nhà trên năm cây số : cô thả cuốc bộ hơn ngồi xe hơi, vì hà tiện tiền một phần và vì cô không chịu được mùi dầu xăng. Suốt ngày cô mặc cái áo cánh ngắn tay màu cháo lòng và cái quần thâm xấn tới đầu gối, dù ở nhà, đi chợ, ra đồng hay đi họp ở ngoài đình. Cô tự sống đầy đủ lấy, tinh thần cũng như vật chất. Có

quên chóng vánh mấy con heo bầu đi hôm nào để khởi sự nuôi một lứa mới. Chẳng có gì làm cô bận tâm lâu... Bên cạnh cô, con mèo đen của bà tôi cũng có cái dáng vẻ tương tự, chỉ khác một điều là trông nó lanh lợi và nhanh nhẹn hơn cô tôi.



Ngày chuyển sang cuối thu và tiết lập đông mang cái lạnh se se, buồn buồn đến cuộc sống heo hút của lũ chị em chúng tôi. Tôi nhớ đến những ngày ở Hải Phòng, vào cái buổi chiều vừa chớm lạnh, mẹ tôi thường đem rương quần áo ấm ra soạn lại, trong khi chúng tôi, sau những tháng nóng nực, bắt đầu nao nức nghĩ tới cái thú được mặc áo len. Chúng tôi đông anh em, thành ra hầu như chẳng phải bỏ đi cái áo lạnh nào, cứ đưa này mặc chật hay ngắn, là đưa kẻ đó được thừa hưởng ngay. Con gái thì có áo len cổ cánh sen, thường là màu sáng, con trai cổ chui, màu nâu hay xám. Và mỗi ngày vào

mùa đông, trên bếp lò nhà tôi lúc nào cũng có một thùng nước nóng to bằng cái thùng nấu bánh chưng đặt thường trực trên đó, mỗi người múc nước nóng ra xải là tự động có bồn phạn đồ thêm nước lạnh vào đó để những người sau có nước nóng mà tắm hay rửa cái mặt, tay chân... Ngoài những người trong gia đình (có đến trên một tá), còn có ít ra là ba chị người làm và cả chục người vừa tải xế xe đồ, xe lò, vừa lơ xe và bán vé. Rộn rịp nhất vẫn là những buổi chiều khi xe cộ vừa về tới và tụi tôi đi học về. Cha tôi trông coi ở ngoài, với sự tiếp tay của con trai và mấy người anh họ tôi trong khi mẹ tôi quán xuyến trong nhà với sự phụ tá của con dâu và con gái. Có lẽ bây giờ không còn rộn rịp được như vậy nữa đâu, tôi nghĩ thế trong cái buổi tại quê nhà với con bé cháu đang tập bò dọc theo hàng hiên. Những cái mụn nhọt đã mọc tùm lùm trên đầu tôi mặc dù mùa hè đã chấm dứt, kết quả của những lần đi học về, tôi và Tám, đưa em gái kể

thua tôi hai tuổi, bị cha tôi lôi ra cái ghế dài ở ngoài hàng ba, gần bên mấy cây bàng đầy những sâu róm, chấy chấy, tuốt trứng. Cha sờn sóc tới cái đầu tóc của mấy đứa con gái với một đam mê quái gở : ông khoái giết lũ chấy sù ghê gớm, và cách giết của ông thì còn quái dân hơn nữa (mỗi lần nghĩ tới tôi rờn rợn người !) : ông bỏ từng con vào đầu lưới, đưa đây sao đó cho hai hàm răng cắn trúng con vật khốn nạn nhỏ bằng nửa hạt gạo tẻ nghe đánh « cốp » một cái, rồi nhỏ xác ra. Sau khi đã thanh toán một số chấy sù bọ, đến màn tuốt trứng và vì trứng chấy nhỏ, nên ông không dùng « máy chém » nữa, mà dùng « máy ép », tức là hai móng tay cái úp lên nhau tạo thành hai mặt phẳng ép cái trứng con chấy ở giữa cho dập ra đánh một tiếng « cắc ». Nhưng nói đến cái màn tàn sát chấy của cha tôi thì cũng nên kể tới cái thú... cạo lông mặt cho tui tôi như một cách giải trí của ông, với cái lý luận rằng « cho nó mát mặt » !

Cái lạnh của tiết lập đông làm tôi nhớ mẹ và cái đầu ngựa ngáy làm tôi nhớ cha. Trong khi anh Cả bien biệt ngoài Hà nội chưa thấy về đón chúng tôi ra. Tôi nghe nói dường như anh đã không thể hiện mình để xóa tan những nghi ngờ của những người Cộng Sản ở làng dành cho anh. Họ có vẻ không cần biết rằng anh đã sinh ra và sống gần hết quãng đời niên thiếu của anh ở quê, nhưng điều đó không đủ làm sáng tỏ sự có mặt của anh trong quân đội Pháp dù chỉ vài tháng hồi lệnh Tổng Động Viên được ban hành và sau đó anh đã đào ngũ... Anh là người ít thích bị hạch sách, cật vấn — Hồi ở nhà, mẹ tôi ít dám hỏi anh tới hai câu hỏi và chỉ cần một câu hạch sách của cha tôi là thế nào cũng có gay gắt xung đột. Tính anh vậy: thẳng thắn, chân thực và ít nói (chứ đừng nói chuyện phải trả lời những câu hỏi).

Có tiếng rơi đánh kịch một cái, tiếp theo là tiếng khóc thét của bé Minh. Tôi mãi nhớ tới kỷ niệm và con bé té xuống sân hồi nào,

Hốt hoảng tôi bồng con bé lên, vừa đưa mắt ngó vào trong nhà vừa xoa đầu con bé loạn cả lên. Thấy con bé khóc gắt quá, tôi bế nó ra ngõ. Qua túp lều tranh của anh chị Túc, một gia đình nghèo và đông con nhất trong xóm, tôi thấy chị Túc đang ngồi vạch cái vù dài bằng quả mướp căng những sữa ra cho đứa con nhỏ nhất tong teo như con khỉ cộp bú. Khác với mọi hôm chỉ mặc độc có cái yếm màu trắng cháo lòng và cái váy, hôm nay chị Túc đã phải mặc thêm một cái áo cánh nâu và chằng chịt. Tôi cảm thấy đôi bụng sớm hơn mọi hôm và tự nhiên thấy muốn khóc theo con bé cháu.



CHƯƠNG SÁU

Ra Hà Nội

CUỐI cùng, người về đón chúng tôi không phải là anh Cả mà là chị Ba. Biết anh Cả đã thuê được cái nhà trong dãy nhà nội trú của trường các Sơ Sainte Marie, chị Cả tôi hiểu rằng như thế có nghĩa là chúng tôi sẽ phải sắm từ cái chén đôi đĩa trở đi, nên chị lên « m'rợn đờ » một lô chén bát của cô Bốn. Tôi nghiệp cô Bốn, tưởng chúng tôi đi là cô sẽ rảnh nợ, không còn lo mất mát gì thêm nữa... Tuy thế, chị chị Cả cũng bảo sẽ gửi về làng trả cô sau. Chị Năm vốn bạc giờ cũng thẳng thắn, đốp chát, nói : « Dù cê

không trả thì một mình cô ấy cũng không dùng hết ló bát đĩa thừa hưởng của bà. Tôi cá là đến khi xuống ló, cô ấy cũng vẫn dùng ba cái bát mẻ ! ». Chúng tôi gắng chỉ đem những gì cần thiết, còn bao nhiêu bỏ lại, để tránh những dòm ngó, nghi ngờ. Bọn trẻ con được dạy là hễ có ai hỏi đi đâu thì đáp : « Bây giờ Hà Nội tiếp thu rồi thì ra Hà Nội sống ».

Mà chúng tôi ra Hà Nội thật.

Gió thổi mạnh trên suốt con đường quê. Và khác với lần về chăng tôi không còn phải đi qua một quãng tưng-bò nào nữa. Tôi ngồi cùng xe xích lô với chị Ba và anh Sáu, trong khi chị Cả, chị Năm, thằng Chín và bé Minh ngồi chung một xe.

Tôi nhớ khi xe vừa vào tới Hà Đông, chị Ba bỗng nhào người ra khỏi xe gọi « Anh Trọng ! Anh Trọng ! », và tôi thấy một anh cán bộ trẻ, điển trai đi bộ ngược chiều với chúng tôi đưa tay vẫy chị. Nét mặt chị Ba có

vẻ rạng rỡ, hơi mơ màng. Về sau này chị Năm bảo tôi là chị Ba gặp anh chàng Trọng đó trong đêm liên hoan hôm Trung Thu ở đình làng và chị ấy « bị sét đánh ». Lúc đó, tôi chẳng hiểu gì cả. Hình ảnh chị Ba (về sau này ở lại Bắc với gia đình chồng của chị) mãi mãi là một cô gái xinh đẹp và đa tình một cách đáng thương:

Hà Nội bỗng trầm hẳn xuống, không còn còn xôn xao, xáo xác như hôm chúng tôi từ Hải Phòng đặt chân tới nữa. Hà Nội đã đổi chủ. Đây đó những cổng rào, những lá cờ đỏ sao vàng được treo, dựng để chào đón ông Hồ Chí Minh đến tiếp thu thành phố, chưa kịp gỡ đi. Tôi được biết Hà Nội vừa chỉ mới đổi chủ được vài hôm nay.

Mặc dù không thể hòa mình với nếp sống ở thôn quê, nhưng tôi cũng vẫn không tránh được cảm giác lạc lõng khi đặt chân xuống thành phố Hà Nội, y như một con bọ nhà quê thật ấy thôi.



Nơi chúng tôi ở là một căn phòng trong dãy nhà xưa là khu nội trú của các nữ sinh Sainte Marie, nay các bà phước cho mượn lại vì số học sinh phần lớn đã vào Nam. Trước nhà là những luống hồng, xa hơn nữa là những khu vườn trồng rau, cải, hành, xu hào... Hồi chúng tôi mới tới ở, cả khu vực này là của chúng tôi, mặc sức chúng tôi, xục xạo, chơi đùa. Bất đắc dĩ các bà phước mới phải cho thuê lại dãy nhà này, dường như các bà được yêu cầu phải làm như vậy vì số người hồi cư về Hà Nội mỗi ngày một nhiều. Tuy thế, vì các sinh hoạt phần chưa kịp phục hồi sau một thời kỳ dài xáo trộn, phần bị hạn chế, đặc biệt là các cửa tiệm, hàng ăn, những rạp hát, rạp chóp bóng, nên Hà Nội không còn đáng vẻ hào hoa phong nhã cũ. Những người ở lại ít nhiều vẫn còn cái vẻ ngẩn ngơ của những người ở lại sau một cuộc chia tay vĩ đại. Những chuyến tàu Hà Nội — Hải Phòng vẫn chạy đều, đưa người ta đi về giữa hai vùng Quốc Gia và



Cộng Sản và mỗi một người bắt buộc phải xin giấy thông hành một khi muốn xê dịch. Báo chí, đài phát thanh Hà Nội tuy đã hoạt động nhưng họ truyền đi những tin tức mà những kẻ chưa dứt khoát đi hay ở không muốn nghe, với một chương trình giải trí lạ hoắc với những bản nhạc đa số đề ca tụng chủ nghĩa Cộng Sản và Liên Xô vĩ đại, những vở kịch khơi động một không khí đấu tranh sắc súa hận thù.

Tuy thế, những chuyện đó không làm bận tâm bọn con nít chúng tôi đang mãi khám phá khu trường sở rộng bao la của các bà phước. Không khí ở đây quả là vẫn dễ chịu hơn ở thôn quê hiu quạnh và buồn thiu.

Nhưng rồi dần dần, chúng tôi bị hạn chế di động vì các bà phước cảm thấy mấy vườn rau, khóm hồng của bà bị mất mát ghê quá, hơn nữa, thêm nhiều gia đình khác tới thuê những căn bên cạnh ở. Trong số những gia đình đó, có một gia đình ở cách căn nhà tôi

hai căn, gồm người chồng, người vợ, hai đứa con gái lớn con riêng của người vợ và mấy đứa nhỏ.

Tôi thích ngắm hai người con gái này vì họ xinh và trắng lạ lẫm, lại có giọng nói ngọt ngào và hai cái tên nghe cũng đẹp như người : Ngọc và Nga. Chính cuộc cãi vã gay gắt hôm đó xảy ra ở nhà họ mà tôi hiểu được phần nào tâm trạng hai cô thiếu nữ, định bỏ cái tủ của bà mẹ lấy phần tiền bạc nữ trang của họ để cùng nhau đi Nam.

« Đi Nam ». Tôi nghe người lớn nhắc hoài đến câu đó với vẻ mặt ray rứt, khổ sở. Chẳng những ở nhà hai cô Ngọc, Nga xảy ra xung đột, mà dường như ở nhà tôi cũng đang ngấm ngấm chứa đựng những dang co.



Lần đầu tiên sau hai tháng (mà tôi cứ ngỡ là cả năm trời !) sống trong nhớ thương mẹ, tôi gặp lại mẹ tôi. Bà gầy và tất tả vội vã hơn lúc thường. Bà lên Hà Nội, hỏi thăm mấy

đứa nhỏ chúng tôi rất ít, còn thì suốt ngày ngồi bàn tính to nhỏ với anh chị Cả và chú di Vạn tôi. Dầu sao, thấy mẹ tôi ngồi đó, tôi cũng cảm thấy an tâm lắm rồi, dù không được phép sản lại bên mẹ ngồi hít lấy cái hơi hướm quen thuộc thân yêu... Tôi ngồi đó nghe những người lớn bàn chuyện với vẻ mặt nghiêm trọng. Mẹ tôi hết năn nỉ lại làm mặt giận dỗi:

— Nhưng mà... tại sao anh lại muốn ở lại chứ? Tôi nghe nhiều người đồn về Hải Phòng kể lại những chuyện không thể tưởng tượng được! Cả đời mình giữ đạo, chẳng lẽ đến gần chót đời rồi...

Mẹ tôi bỗng ứa nước mắt ra. Bà chỉ sợ sống với người Cộng Sản để không được quyền giữ đạo. Giản dị có vậy. Nhưng bà cũng muốn nếu đi Nam thì phải đi cả gia đình. Bà đã thuyết phục được cha tôi đi Nam và bây giờ bà đang thuyết phục anh Cả tôi trong khi anh ngồi im lặng hút thuốc, dõ

mày nhều lại làm đôi mắt anh đã sâu càng sâu hơn. Mỗi một lúc sau, anh mới chậm rãi nói :

— Từ trên hai chục năm nay, ý thức là đưa con lớn nhất trong nhà, con đã quên chính con để sống cho gia đình, cho các em, nhưng Cậu ít khi hiểu cho con điều đó... Mẹ không biết chứ suốt từ năm 1945 tới nay, con những muốn theo chân tụi bạn cùng lứa vào chiến khu để sống trọn cái hào khí tuổi trẻ của mình. Nhưng con không thể bỏ đi chỉ vì gia đình... Bây giờ con muốn sống cuộc sống của con... Cậu Mẹ cứ đi vào Nam. Con xoay xở lấy cuộc sống của con.

— Anh ưng ở với Cộng Sản hơn là ở với những người thân của anh à ?

Mẹ tôi vừa nói vừa khóc rưng rức. Không hiểu mô tê ra sao, thấy mẹ khóc quá, tôi thương cảm sụt sịt theo. Không khí mỗi lúc mỗi trở nên im lặng đến nặng nề.

Khi mẹ tôi đã nguôi cơn khóc và uể oải

đón miếng trầu của dì tôi bỏ vào miệng nhai, chị Cả tôi mới lên tiếng hỏi thăm về gia đình ở khu Hàng Kênh, Hải Phòng. Chị Cả mồ côi cha mẹ từ nhỏ và được ông bà nội chị nuôi cùng với một người anh trai và cô em gái.

— Mợ có được tin tức gì của nhà con không ạ ?

Đôi mắt đỏ ngầu của mẹ tôi hướng về người con dâu và như chợt sáng lên :

— À, hôm nọ, anh mẹ nó tới nhà hỏi thăm xem mẹ nó ra lại Hải Phòng chưa. Nghe nói nhà bên ấy đang sửa soạn vào Nam.

Chị Cả cố nén vẻ hoảng hốt :

— Thế à... ?

Có lẽ trong thâm tâm, mẹ tôi hy vọng chị Cả sẽ gắng thuyết phục chồng đi Nam khi hay tin gia đình chị đang sửa soạn rời đất Bắc.

Tôi thiếp ngủ giữa không khí xao động đầy dằng cợ ấy của người lớn. Tôi mơ thấy

tôi đi trên một con đường rộng và dài với hai hàng cây cao, thẳng của thành phố thường chỉ mới được nghe nói tới, mang tên « Hòn ngọc Viễn Đông ». Bản tính thích phiêu lưu và nhất là cảm giác lạc lõng khi bước vào một lớp học tại một trường Tiểu Học ở Hà Nội hồi đó giữa một bầy bạn học, thấy đều đã có chân trong những tổ chức thiếu nhi này khác, đã khiến tôi thầm mong anh Cả tôi chịu nghe lời mẹ tôi thụ xếp đi Nam. Hà Nội với tôi, sau khi chị Hai đi rồi, trở nên thiếu thốn hẳn đi, và chỉ về sau tôi mới nghĩ có lẽ vì mỗi chiều, dù sống ở Hà Nội tôi không còn được ai dẫn đi ắp kem Bờ Hồ hay đi xi-nê nữa... Trong trí óc non nớt nhưng thực tế của tôi hồi đó, Hà Nội thiếu kem Bờ Hồ là kẻ như thiếu hết, dù là những ly kem tôi đã được nếm có được cả nước mắt khóc thương cho thân phận đàn bà của chị Hai.



CHƯƠNG BẢY

Chuyến tàu xuôi cảng

MẸ tôi hôn đôi và đau đớn trở về Hải Phòng để rồi vài ngày sau trở lên Hà Nội với một câu vòn vẹn, như một thử mệnh lệnh :

— Cậu phải anh xuống dưới Cảng cậu bảo gì đấy !

Buổi tối hôm đó, anh Sáu và tôi đang sửa soạn ít sách vở để mai sáng đi học, thì anh Cả bảo :

— Mai nghỉ. Thu xếp quần áo xuống Hải Phòng.

Tôi khắp khởi mừng thầm vì sắp được đoàn tụ lại với cha mẹ và những đứa em nhỏ từ mấy tháng nay xa cách.

Tối hôm đó chúng tôi đi coi một phim của Nga Sô chiếu ở Nhà Hát Lớn, không mất tiền. Lúc trở về, đi dọc theo Bờ Hồ vắng lạnh, tôi chợt bắt gặp vầng trăng ngấm mình dưới làn nước hồ Hoàn Kiếm, đẹp đến nỗi nùng. Tôi có ý nghĩ vì von ngày thơ là chắc bị ngấm dưới nước, trăng phải lạnh lắm.

Mẹ tôi thức đợi chúng tôi về. Chẳng những thế, dường như bà đã thức cả đêm hôm đó để... canh chừng, sợ anh Cả tôi đòi ý chẳng? Tôi nồn nao, nhưng rồi cũng ngủ thiếp đi lúc nào không hay.



Chúng tôi đáp tàu Hà Nội — Hải Phòng ở ga Hàng Cỏ. Tôi được đặc trách trông coi bé Minh và dĩ nhiên đặc trách luôn cả mở tiền Đông dương mà chị Cả tôi đem dấu vào trong hai chiếc giấy của bé Minh vì sợ bị tịch thu.

Tại nhà ga, chúng tôi bị đưa vào một phòng dành cho phụ nữ để cho một chị cán

bộ khám xét người và hành lý. Khi khám xong chị Cả, đến lượt bà tôi, thì chẳng hiểu nghĩ sao, chị Cả đem cởi hai chiếc giày của bé Minh ra : chắc hẳn chị nghĩ rằng chị đã bị khám rồi thì vật gì chị cầm trên tay chắc sẽ thoát nợ. Không may người nữ cán bộ nhìn thấy, giắt ngay lấy hai chiếc giày và tịch thu mở giấy nặc Đông dương dấu trong giày bé Minh. Tôi bị mắng nhiếc sau đó mới khở, vì rằng đã « không đủ thông minh nhéo vào đùi con bé con một cái cho nó khóc ré lên để mà có cớ bùng nộ ra ngoài ».

Bị mắng oan, tôi âm ức và giận dữ cho đến tận khi tàu sắp vào ga Hải Phòng, và trước khi vào đến ga, nó đi ngang qua con đường hẻm của nhà tôi, tên gọi ngõ Nghĩa Lợi...

Saigon, 8 - 1971

TRUNG-DƯƠNG

Đề tưởng nhớ mùa thu
luối cày trên đất Bắc)



ĐỐ VUI MÂY - HỒNG

**TỦ SÁCH MÂY HỒNG ĐÃ MỞ
CUỘC THI ĐỐ VUI VỚI 50
GIẢI THƯỞNG GIÁ TRỊ DÀNH
CHO ĐỘC GIẢ TUỔI THƠ**

Mời Quý Bạn Đọc Tham Dự



**THẺ LỆ VÀ THỜI HẠN CUỘC THI
ĐƯỢC NÊU RÕ TRONG *PHỤ BẢN ĐẶC
BIỆT* KÈM THEO MỖI CUỐN SÁCH PHÁT
HÀNH TRONG THÁNG 11 VÀ 12 NĂM 1971**

TỦ SÁCH MÂY HỒNG

Quê hương ta

—o0o—

Trong mục này, Mây Hồng sẽ giới thiệu với bạn những gì thuộc về quê hương thân yêu của chúng ta như lịch sử, danh nhân, danh lam thắng cảnh, phong tục tập quán v.v... Vì là người Việt Nam mà không rõ chuyện của chính QUÊ HƯƠNG TA thì quả là một điều thiếu sót lớn.

THẮNG TÍCH

HUẾ

Huế là kinh đô cổ kính của Việt Nam, nằm dọc theo 2 bên bờ sông Hương, cách Sài Gòn 685 dặm về phía Bắc và cách vĩ tuyến 17, 60 dặm, giới tuyến giữa 2 miền Nam Bắc VN.

Sự lưu thông giữa Sài Gòn và Huế thường được di chuyển bằng đường hàng không do hãng

HKVN đảm trách. Huế còn nối liền với Hải Cảng Đà Nẵng, cách 67 dặm về phía Nam thành phố Huế, bằng đường xe hơi.

Nhiệt độ trung bình ở Huế là 78 độ F, giữa 68 độ F và 86 độ F.

Nói tới Huế không thể không nhớ tới hình ảnh của những phong cảnh nên thơ, những lâu đài tráng lệ và những khu vực cổ kính rêu phong. Huế nổi bật bên dòng Hương Giang êm đềm, bởi cung điện Hoàng Gia và những lăng tẩm vua chúa. Những di tích này đã ghi lại những trang sử huy hoàng của dân tộc Việt trong quá khứ.

Ở Huế, nền văn minh cổ kính và tân tiến đã hòa hợp với nhau: chúng ta có thể vừa thấy một thành phố náo nhiệt ồn ào bên cạnh một khung cảnh trầm lặng trang nghiêm trọng khu vực Đại Nội.



HUẾ: ĐẾ ĐÔ CỔ KÍNH

Năm 1687 chúa Nguyễn Phúc Trăn đã đóng đô tại Phú Xuân, một làng ở phía Đông Nam của Huế bây giờ. Làng này từ năm 1744 đã trở thành kinh đô của miền Nam VN dưới thời chúa Nguyễn. Nhà Tây



Thế miếu Đại Nội

Sơn sau này cũng chiếm Phú Xuân làm kinh đô từ năm 1786. Mãi tới năm 1802 vua Gia Long chiếm lại và đổi tên là Huế, cùng với việc mở mang những dinh thự, lầu đài, lăng tẩm; cửa ngõ môn và tường thành.

Phía tận cùng của kinh đô là khu cấm địa, chỉ dành cho các hoạt động của vua chúa gọi là Thành Nội.

Từ năm 1804 trở đi thành phố được tu bổ dần bởi các vua chúa đời Nguyễn với khoảng gần 300 lầu đài lần lượt được dựng lên.

Tuy nhiên những cuộc binh biến và thời gian đã tàn phá lần những di tích lịch sử này.



PHÚ VÂN LÂU

Phú vân Lâu được xây dựng năm 1819 mặt tiền hướng về phía Nam, quay ra sân cò. Tất cả những chiếu chỉ, sắc lệnh cũng như danh sách các sĩ tử đỗ đạt được niêm yết tại nơi đây.



THÁP CỜ

Xứng đáng là một tháp dựng cột cờ cao nhất ở Việt Nam, đứng sừng sững trước cửa ngõ môn. Tháp dựng vào năm 1809 và được tu bổ năm 1831. Trận bão năm 1904 đã tàn phá toàn thể thành phố Huế làm gãy cột cờ này. Nhưng được dựng lại vào năm 1915, rồi lại bị gãy năm 1947.

Cuối cùng được dựng lại năm 1949. Cột cờ cao 37m tồn tại tới ngày nay.



CỬA NGỌ MÔN

Cửa ngo môn là một công trình kiến trúc lớn lao gồm 3 cửa ra vào, nhưng chỉ có cửa giữa được gọi là Ngọ Môn. Cửa này chỉ được mở cho vua chúa ra vào. Phía trên là lầu Ngũ



Phụng hình dáng cân đối. Từ trên cao nhìn xuống, đếm thấy 9 mái lầu riêng biệt. Mái chính giữa được lợp bằng ngói vàng, trong khi những mái khác lợp bằng ngói xanh. Hoàng đế thường xuất hiện trên lầu Ngũ Phụng vào những dịp đặc biệt như dịp đầu năm Âm lịch.



HỒ TĨNH TÂM

Hồ này dài đến 500m, là một nơi để các vị Hoàng Đế nghỉ ngơi vào mùa hè, hít thở không khí mát mẻ và ngắm cảnh sen nở trên hồ.



ĐIỆN THÁI HÒA

Đứng từ cửa Ngọ Môn hướng về phía Bắc ta sẽ nhìn thấy Điện Thái Hòa, nơi diễn ra những buổi thiết triều chính yếu của triều đình. Điện này đặc biệt sơn son thiếp vàng. Có hai sân châu ngay trước cửa điện, sân cao dành cho hàng quan cao, tước trọng và sân thấp dành cho các tước phẩm nhỏ. Quan văn đứng bên trái, quan



*Ngai vàng trong Điện
Thái Hòa*

vỗ đứng bên phải. Phía trong, ngai vàng được đặt trên cao trên 3 lớp bực gỗ.

Phía trước sân châu là hồ Thái Dịch, có cầu Trung Đạo bắc ngang nối liền cửa Ngọ Môn với sân châu.



Điện Thái Hòa được vua Gia Long xây cất năm 1803 và được sửa

Cầu Trung Đạo

đổi cảnh trí vào năm 1833 bởi vua Minh Mạng. Vua Gia Long chính thức tức vị tại Điện Thái Hòa ngày 23-6-1806.



BẢO TÀNG VIỆN

Bảo tàng viện kiến trúc theo lối cổ truyền được xây cất năm 1923, để làng trữ những cổ vật và kho tàng văn hóa Việt Nam. Trong Bảo Tàng Viện có trưng bày những đồ gốm, đồ đồng, sơn mài, đồ sứ và những y phục cổ điển của Hoàng triều.



CUNG DIÊN THỌ

Cung Diên Thọ là nơi cư ngụ của các vị Hoàng Thái Hậu, được xây cất năm 1803 (năm thứ hai đời Gia Long) với tất cả những tiện nghi cho các buổi lễ lạc riêng tư hay công cộng và những buổi cầu nguyện hàng ngày của các bà Hoàng.



Lầu Trường Du

Về phía Đông của cung này, có một cái đầm và giữa đầm là một ngọn giả sơn bằng đá. Bên bờ phía Bắc có lầu Trường Du, nơi giải trí của Hoàng Gia. Phía trước có lăng Phước Thọ.



CHÙA LINH MỤ HAY THIÊN MỤ

Chùa Linh Mụ nằm trên tả ngạn sông Hương

cách Huế chừng 4 cây số. Không khí nơi đây luôn luôn mát mẻ vào buổi sáng hay buổi chiều tà.

Chùa được xây năm 1501 bởi chúa Nguyễn - Hoàng (1). Năm



Tháp Phước Duyên

1710 nhiều thư phòng được xây cất thêm và một chuông lớn nặng lối hai tấn, thường gọi là Đại Hồng Chung. Chuông này đặt trong điện Đại Hùng và khi đánh lên, tiếng ngân vang tới tận thành phố Huế.

Về sau, chiến tranh đã dần dần tiêu hủy nhiều di tích, nơi đây chỉ còn chừa lại chiếc Đại Hồng Chung và tấm bia đá.

Chùa Linh Mục được nhận biết dễ dàng nhờ Tháp Phước Duyên, hình bát giác, gồm bảy tầng.

(1) Xem Di tích Chùa Thiên Mụ trong cuốn « SẢN TRƯỜNG MẬT BIỀC » do Máy Hồng xuất bản.

cao 21 mét, xây cất năm 1844 đời Thiệu Trị. Trong Tháp thờ phượng 7 vị Bồ Tát và tầng cao nhất thờ Đức Thích Ca Mâu Ni.



CỬU ĐÌNH ĐẠI NỘI

Trước sân Thế Miếu, được nhà vua cho đặt



9 cái đình đồng. Nội đây cũng có một bàn thờ chính được lập ra để thờ phượng vua Gia Long, người sáng lập triều Nguyễn và

những vị vua kế tiếp. Mỗi đình này đều có danh xưng riêng, tên tuổi của mỗi vị vua của triều Nguyễn. Đình cân nặng từ 1900-2500kg mỗi cái, và đúc bởi những nhiên liệu thiên nhiên và do sự khéo léo nhân tạo.

Công trình này đã được thực hiện vào tháng 12 năm 1835 dưới triều vua Minh Mạng và hoàn

tất năm 1836. Việc chạm trổ chung quanh đình kết thúc năm 1937 và được khánh thành ngày 1-3-1937.



CỬU VỊ « HỘ QUỐC THẦN CÔNG »

Vua Gia Long đã ra lệnh đúc chín khẩu súng thần công, bắt đầu từ ngày 31 tháng giêng năm 1803 và hoàn tất vào tháng giêng năm 1804. Chín khẩu đại thần công này tượng trưng cho 4 mùa



9 khẩu Thần Công

Xuân, Hạ, Thu, Đông và 5 yếu tố cấu tạo trời đất : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Mỗi khẩu cân nặng từ 10200 tới 10600 kgr.

Những khẩu súng này không được dùng để bắn mà chỉ có tính chất thiêng liêng là bảo vệ cho Hoàng thành và Hoàng triều.



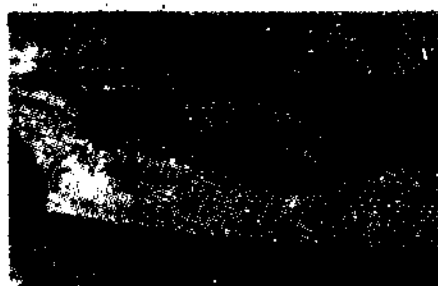
LĂNG TẨM

Ở Huế có cả thảy 6 lăng vua chúa. Một vài lăng được xây ngay lúc nhà vua còn sinh thời. Cách trang hoàng và kiến trúc của mỗi lăng tùy ý thích của mỗi vị Hoàng đế.

LĂNG GIA - LONG

(vị Vua sáng lập triều Nguyễn 1802 — 1820)

Khởi xây vào năm thứ 13 đời Gia-Long và hoàn tất năm 1820, là năm đầu tiên của triều vua kế vị. Không khí ở đây có vẻ âm đạm nếu nhìn



*Lăng mộ Vua Gia-Long và
Hoàng Hậu Thừa Thiên*

toàn cảnh. Lăng mộ giản dị nằm giữa khung cảnh hùng vĩ, có rừng thông bao quanh, cạnh những ngọn núi nhỏ, như những người không lồ đứng trong tư thế

thành kính canh gác phượng thờ. Ngoài sân lăng rộng lớn, nổi bật những hàng tượng đá dọc theo sáu bậc thềm. Mặt thềm trên cũng có bức tường

thành dãy vây quanh, phía giữa là nơi an nghỉ của vua Gia Long và Hoàng hậu Thừa Thiên.

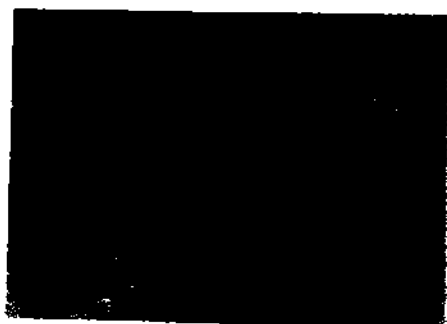


LĂNG MINH - MẠNG

Người con thứ tư của Vua Gia-Long (1820-1840)

Lăng Minh Mạng nổi bật nhất trong những lăng tẩm của các vị vua chúa đời Nguyễn. Phong cảnh nơi đây thật hùng vĩ, lối kiến trúc hòa hợp cùng với sự trang trí tinh vi.

Lăng này khởi công xây cất năm 1841 và hoàn tất năm 1843.



Qua Đại Hồng Môn, một cái cổng chào gồm có 3 cửa nhỏ, thì tiến vào một sân rộng với hai hàng voi ngựa, quan văn, quan võ trong tư thế thành kính. Qua khỏi ba

Cổng vào Lăng Minh Mạng tầng cầu thang bằng đá hoa cương thì dẫn tới lầu đề mộ bia. Sau đó xuống ba bậc thang tiến

vào khu đất vuông rộng lớn sẽ đến diện thờ vua Minh Mạng và Hoàng Hậu.

Bên cạnh đó là lầu Minh Lâu, có vườn hoa ở phía trước. Hoa cỏ được cắt tỉa theo hình chữ Thọ. Xa hơn chút nữa là chiếc cầu bằng đá bắc ngang qua một cái đầm hình bán nguyệt. Ở mỗi đầu cầu có cổng chào bằng đồng gồm 4 cây cột được chạm trổ hình rồng. Một cầu thang lớn có lan can chạm trổ theo hình rồng uốn khúc dẫn tới hăm mộ của nhà vua. Một dãy tường vòng cung tượng trưng mặt trời (hay là vua) bao quanh một mô đất có hàng thông mọc ở phía trên và những bụi rậm bao phủ. Có một đường hình vòng cung dẫn vào hăm mộ.



LĂNG THIỆU TRỊ

(Người con lớn nhất của Minh Mạng 1841-1847)

Lăng Thiệu Trị khởi công xây cất từ 1847 và hoàn tất tháng 11-1848.

Ở đây người ta không tìm thấy bức tường

bao quanh theo lối cò truyền. Phía bên phải là, một giải nước trắng xóa như giải lụa. Phía trước có cổng chào đồng đen, được chạm trổ bằng các đồ men sứ. Qua một sân lớn có ba thảm cỏ sẽ dẫn



tới cửa lớn đi vào *Toàn cảnh lăng Thiệu Trị* lăng. Phía trong có một điện thờ sơn son thếp vàng hương khói cho nhà Vua. Bên trái có một hồ nước nhỏ và một cổng chào giống như cổng trước. Cùng có sân



chầu dẫn tới một dãy lầu khác. Xa hơn, xuống vài bậc thang người ta sẽ gặp một cái hồ có ba cây cầu đá bắc ngang. Cầu

Điện thờ vua Thiệu Trị thang cũng được trang hoàng theo hình rồng

dẫn tới một cái cửa tò vò bằng đồng đen trong chứa phần mộ nhà vua.

LĂNG TỰ ĐỨC

(Người con thứ hai của vua Thiệu Trị)

Lăng này khởi công xây cất từ tháng 2 năm 1864 và hoàn thành vào tháng 4 năm 1867. Một phần ở giữa một rừng thông, chung quanh có



*Nhà thủy tạ trong
lăng Tự Đức*

tường thành bao bọc. Phong cảnh nơi đây thật nên thơ. Có nhà thủy tạ của vua Tự Đức thường nghỉ ngơi, nằm ven bờ một giải nước trong veo.

Đi dọc theo bức tường cao, sẽ tới một cây cầu dẫn tới điện thờ nhà vua. Phía sau điện thờ là một sân rộng có bia đá ghi khắc trên hai mặt một bản tự thuật của vua Tự Đức. Tấm bia đá này được che chở bằng một mái lâu bằng đá có cột chống hai bên.



Một phần vua Tự Đức

Một đồng suối nhỏ ngấn cách bia đá với mộ phần của nhà vua.



LĂNG ĐỒNG KHÁNH

(1885 — 1889)

(cháu và là con thừa nhận của vua Tự-Đức)

Khởi công xây cất vào năm 1889 và hoàn tất vào cuối năm đó. Mộ này là lăng nhỏ nhất trong tất cả các lăng vua chúa đời Nguyễn.

Toàn cảnh thì trong có vẻ mộc mạc nhưng không kém vẻ quyền rũ giữa một cảnh trí của miền thôn dã. Dinh thự chính được kiến trúc tỉ mỉ. Sàn nhà lát đá hoa, cột nhà và xà nhà thì làm bằng gỗ chạm trổ rất tinh vi. Nhiều vật dụng cá nhân và những



Tượng đá và điện thờ vua Đồng-Khánh.



*Điện thờ vua
Đồng Khánh*

đồ thường nhật nhà vua, hay dùng lúc sinh thời được lưu giữ nơi đây. Phía trong lăng, nổi bật bai bức truyền thần của vua và hoàng hậu lồng trong khung sơn son thếp vàng do

một họa sĩ Việt Nam sáng tác.



LĂNG KHẢI-ĐỊNH

(con vua Đồng-Khánh 1916-1925)

Khởi công xây cất từ 1920 mà mãi tới năm 1931 mới hoàn tất, lúc đó Quốc Trưởng Bảo Đại đã trị vì được 6 năm.

Lăng tằm được xây bằng đá và bê tông, tương phản với lối kiến trúc cổ truyền. Sau khi đã trèo lên nhiều, bậc thang rộng tới một sân châu. Rồi



Điện thờ vua Khải-Định

tới một căn phòng bát giác trong có một bia đá. Mộ phần là một ngôi đền vĩ đại, xây dựa vào một sườn đồi, trên ba tầng thềm đất, giữa khu rừng thông bát ngát.

Thềm cuối cùng, dưới chứa phần mộ của nhà vua ăn sâu vào trong lòng đất ngay dưới điện thờ.

Tầng trên ngay trước bàn thờ có một bức tượng của nhà vua mạ đồng đen, ngồi uy nghi, kích thước như người thật, tay cầm Quyền trượng giắt ngọc với dấu hiệu Hoàng Gia.



Đã phát hành :

- TRĂNG THÁNG TÂM
của NGUYỄN KHẮC LỘC
- CHỦ CUỘI BUỒN của DU TỬ LÊ
- CHIẾC ĐÈN KÈO QUẢN
của UYÊN UYÊN
- VÒNG TAY YÊU THƯƠNG
của VÕ HÀ ANH

Chuyện đường xa

—o0o—

Ngoài những gì xảy ra tại quê hương ta. Ngoài những sinh hoạt, cấu tạo, tổ chức của vạn vật thiên nhiên, chúng ta cũng cần phải biết thêm về những danh nhân thế giới, chuyện lạ Năm Châu, cảnh tích hoàn cầu cũng như những khám phá kỳ thú trong không gian... Ở đây Máy-Hồng sẽ dành mục này để giới thiệu với bạn đọc.



DANH NHÂN

BENJAMIN FRANKLIN

(1706—1790)

Tiêu sử và sự nghiệp :

Franklin là một nhà vật lý học kiêm triết gia và chính trị gia của Hoa-Kỳ vào thế kỷ 18. Ông sanh tại Boston trong một gia đình nghèo, nên thuở thiếu thời đã phải đi làm công nhân để kiếm ăn. Ông vừa làm công nhân vừa cố gắng

học nhiều nghề như nghề nhà in, nghề làm đèn cầy, nghề thợ điện.

Chính nhờ có cố gắng và kiên nhẫn học hỏi mà ông đã thành công trong đường đời. Từ một công nhân nghèo, ông đã trở thành chủ nhân ông của một nhà máy in, một tờ báo, một thư viện, một bệnh viện và một công ty bảo hiểm chống hỏa hoạn.



Sự nghiệp lớn lao là sự thành công hi hữu của một công nhân bắt đầu từ « bàn tay trắng » đến trở nên « bàn tay tư bản », chỉ trong vòng 20

năm.

Từ đó, Franklin đã thừa phượng tiện đề thỏa chí « ham học, ham biết ». Ông lại càng hăng say trong sự học hỏi. Môn mà ông thích nhất là môn Điện tử.

Năm 1749, Franklin chế ra ống thu lôi. Rồi nhờ đó ông nổi tiếng và được mời vào các Hàn Lâm Viện Khoa Học của Pháp và Anh.

Sau đó, Franklin tham gia hoạt động chính trị, đặc cử vào Quốc Hội đầu tiên của Hoa Kỳ. Chính ông là một nhân vật quan trọng trong Ủy ban soạn thảo « Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ » công bố năm 1786.

Ông mất năm 1790 vì bệnh đau màng phổi.



RUDYARD KIPLING

(Thi sĩ kiêm văn sĩ Anh)

Tiêu-sử :

Rudyard Kipling là người Anh nhưng sanh tại Bombay (Ấn-Độ) vì thân sinh ông làm quản thủ thư-viện Bảo-tàng Lahore (Ấn-Độ).

Đến tuổi đi học, Kipling được cha mẹ gửi về học tại Anh-quốc (từ 6 đến 22 tuổi).

Ông từ biệt đời học sinh năm 22 tuổi để bước vào cuộc đời giang hồ. Ông trở lại Ấn-Độ và được mời làm biên tập viên cho tạp chí Quân-Dân ở Lahore.

Trong dịp này, ông sáng



tác nhiều văn thơ đặc sắc, nên chỉ một năm sau, ông đã nổi tiếng là một thi sĩ và một văn sĩ có tài.

Năm 23 tuổi, ông đi chu du nhiều nơi ở Nhật-Bồn, Hồng-Kông, Tân-Gia-Ba, Mỹ-Châu, Úc-Châu, Tân-Tây-Lan, Nam-Phi.

Sau cuộc chu du lâu dài này, ông thu thập được những thi liệu và văn liệu phong phú vô cùng, giúp cho ông sáng tác được nhiều thi văn phẩm có giá trị. Nhờ đó, ông đã được tặng giải thưởng Nobel năm 1907.

Ông mất tại Luân-Đôn năm 1936 và được mai táng tại tu viện Westminster là « nghĩa trang danh dự » dành cho các danh nhân Anh-quốc.

Về thi phẩm đặc sắc :

— Tập thơ « *Barrock Rooms Ballads* » và tập thơ « *Service Songs* » ca ngợi đời sống hiên ngang, ca đẹp và hi sinh của quân đội Hoàng-gia-Anh.

— Tập thơ « *The Seven Seas* » (Bảy biển) ca tụng tổ-quốc Anh-Cát-Lợi của ông, gồm tất cả những đất đai rải rác năm châu bốn biển.

— Tập thơ « *The Five Nations* » ca ngợi những thuộc địa của Anh ở Úc, Nam-Phi, Tân-Tây-Lan và Gia-Nã-Đại.

Về văn phẩm đặc sắc :

Chuyện dài :

— Cuốn « *The light that Falled* ». (Ánh sáng không còn nữa) tả nỗi đau khổ của họa sĩ Dick Helder bị mù lòa.

— Cuốn « *Captains courageous* ». Ca ngợi sự can trường của một thủy thủ bé con.

— Cuốn « *Kim* » tả cuộc hành trình của vị Lạt Ma Tây Tạng và một cậu bé con sanh ở Ái-Nhĩ-Lan rồi qua Ấn-Độ lang thang khắp nơi.

— Cuốn « *Lịch-sử Anh-quốc* » viết cho học trò nhỏ hiểu rõ nước Anh.

— Cuốn « *Letters of Travel* » (Lá thư du lịch) là những ký ức của Kipling trong cuộc du hành thế giới.

Chuyện ngắn :

— Cuốn « *Plain tales from the Hills* » (chuyện

vật trên đời).

— Cuốn « *Soldiers Three* » (ba người lính) hay như cuốn « ba chàng ngự lâm pháo thủ ».

— Cuốn « *In Black and White* » (Trắng Đen).

— Cuốn « *The phantom Riskshaw* » (con ma Riskshaw) tâm hồn người Ấn-Độ.

— Cuốn « *Rừng Rậm* » (*The Jungle Book*) tả cuộc sinh hoạt của muôn vật trong rừng với luật « mạnh được yếu thua ».



Vạn vật, thiên nhiên

—600—

Ở mục này, muốn loài cầm thú, trăm thức hoa, đủ loại thảo mộc, đất đai... sẽ được Mây-Hồng lần lượt sưu tầm trình bày, với ý nguyện giúp bạn đọc hiểu thêm về vạn vật, thiên nhiên trong vũ trụ mà chúng ta đang ở.

THẾ GIỚI LOÀI VẬT

CÁ ĐUỐI

Cá đuối thuộc vào loại cá mà xương có xụn, nghĩa là mềm và dai, không cứng và dễ gãy như xương các loại cá khác. Ngay đến da loại cá này cũng dai và bền. Vì vậy loại cá này ít có vây, mà chỉ có vây cũng mềm và dai.



Cá đuối có mình vuông và bè, chứ không dài và tròn như nhiều loại cá khác.

Vì xương nó có xụn, cho nên cái đuôi nó dai và dẻo như đuôi bò, đuôi trâu, đuôi heo. Đuôi cá đuối có thể dài đến 1m50. Người ta thường dùng đuôi cá đuối phơi khô làm một loại vũ khí gọi là « roi cá đuối », vì đuôi cá đuối có sẵn một chất độc có thể làm thối thịt người nào bị đánh bằng « roi cá đuối ».



CÁ LỜN BƠN

Cá lờn bơn thuộc loại cá quý, vì thịt nó rất thơm ngon.



Minh nó đẹp, hình thoi hoặc hình trái trám nhưng bè bè. Da lốm đốm như điểm sao.

Cá lòn bơn ít xương nhiều thịt, dài độ 40cm. Giống cá này có nhiều ở biển Đại-Tây-Dương, nhất là trong vùng biển Manche.



CÁ ÉP

Cá ép có tên chữ là ấn ngư.

Nó có thề ép đầu hoặc ấn đầu vào đuôi cá khác, hoặc vào ván



thuyền bè đề theo đi mà khỏi nhọc công bơi. Ấy là vì trên đầu có một cái miệng hút tròn như miệng đĩa, có thể hút chặt vào chỗ nào nó muốn bám. Ngày xưa dân chài cho rằng cá ép là loại cá ma hoặc cá quỷ có phép khiến cho thuyền bè không' chèo đi được hoặc đi chậm.



TÌM ĐỌC

CÁC ÁN PHẨM TUỔI THƠ CỦA
TỬ SÁCH MÂY - HỒNG

ĐÃ PHÁT HÀNH TRÊN TOÀN QUỐC

MINH QUÂN Hạnh Phúc Trong Tay **DU TỬ**
LÊ Mùa Thu Hoa Cúc o Hoa Phượng Vàng o
Sân Trường Mất Biếc o Chú Cuội Buồn
TRÙNG DƯƠNG Thi Sĩ Ti Hôn o Vàng
Trắng Lạnh **HỢP PHỔ** Con Chim Xanh
HOÀNG ĐĂNG CẤP Suối Yêu Thương
NGUYỄN KHẮC LỘC Chim Bay Thành Phố
o Bát Canh Thơm o Mái Trường Thân Yêu
o Trăng Tháng Tám o Cơn Giông o Hồi
Chuông Nửa Đêm **VÕ HÀ ANH** Vòng Tay
Yêu Thương **DUNG SÀI GÒN** Thơ Ngây o
ANH VŨ Khóc Trong Mơ **VIÊN QUỲNH**
Thăng Mọi Đen o Hiếu Bụi Đời **NGUYỄN**
ĐÌNH THIỀU Giận Hờn **LỆ HOA** Tấm Vẻ
Sổ o Mùa Xuân Của Mẹ **NGỌC NGÀ** Di Văn
Bơ Vơ o Đường Kiếm Hộ Chu o **THỤY Ý** Tuổi
Mơ o Mồ Côi Mẹ o Tìm Dĩ Vãng **THỤY ĐỒ**
Hai Trẻ Phiêu Lưu o Quê Ngoại o Xanh
Như Tuổi Thơ **THỤY ANH** Tuổi Buồn Của
Mẹ **UYÊN UYÊN** Chiếc Đèn Kéo **QUÂN**
NHẬT TIẾN Đóa Hồng Gai **LÊ TẤT ĐIỀU**
Ánh Đèn Trong Nghĩa Địa o Tư Chấn Vịt Chổng
Mẹ Mìn **TRÙNG DƯƠNG** Hiệp Sĩ Chuột o
KIM THU Bì Mạt Dưới Thành Phố Cỏ **THỤY**
TÚ Trong Bóng Đêm o Bức Tranh Cẩn Xa Cừ
PHƯƠNG MAI Kẻ Trộm Ngọc **THỤY UYÊN**
Tuổi Thơ Lạc Loài.



Loại Hoa Đỏ

ĐÃ PHÁT HÀNH :

Nguyễn-Trường-Sơn :

- Con tàu bí mật
- Bóng người dưới trăng
- Phiêu bạt
- Bên đường biên giới
- Tiếng chuông dưới đáy biển
- Thung lũng rắn

Hoàng-Đông-Cáp :

- Mật lệnh u đỏ
- Pho tượng rồng vàng
- Thử thách
- Thần mã
- Vũ khúc tuyết vời

Minh-Quôn — Mỹ-Lan :

- Ngục thất giữa rừng già
- Theo chân thần tượng

Nguyễn-Hòa-Giang :

- Hai rương vàng
- Tướng cướp biển



NHÀ XUẤT BẢN
XUÂN THU

P.O. Box 97
LOS ALAMITOS, CALIFORNIA 90720
(213) 430-5115 & 430-3828

TUYÊN TẬP 15 TUỔI HỒNG

- Đề đáp ứng sự nầy nở trí óc của tuổi hồng.
- Đề gây hứng thú trong việc đọc sách.
- Đề đào luyện cá tính thiếu niên.
- Đề tạo cho lứa tuổi măng non có tinh thần tháo vát, hào hiệp, yêu đời...

Tuyên tập 15 tuổi hồng thật đặc sắc :

- 15 Truyện phiêu lưu
- 15 Truyện trinh thám
- 15 Truyện nghị hê
- 15 Truyện biển
- 15 Truyện rừng
- 15 Truyện miền đồng cỏ
- 15 Truyện mạo hiểm
- 15 Truyện miền đồng tuyết
- 15 Truyện săn bắn
- 15 Truyện mùa xuân

Tuyên tập 15 không thể thiếu trong tủ sách giải trí của gia đình.

Tuyên tập 15 là những cánh hoa lạ hái từ bốn phương.

Tuyên tập 15 là món quà thích hợp, quý vị phụ huynh có thể yên tâm trao tặng con em.



GIÁ: \$5.00